

Số: 516/BC-DMC

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO

Tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 và Triển khai Kế hoạch năm 2017

Kính gửi: Đại Hội Đồng cổ đông Tổng công ty DMC

Thực hiện Nghị quyết số 661/NQ-DMC ngày 25/4/2016 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 về thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 của Tổng công ty DMC, Ban lãnh đạo Tổng công ty đã tích cực chỉ đạo toàn Tổng công ty quyết tâm thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2016 mà ĐHCĐ đề ra. Thay mặt Ban lãnh đạo Tổng công ty DMC, tôi xin báo cáo kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh năm 2016 và Triển khai Kế hoạch năm 2017 của Tổng công ty DMC như sau:

PHẦN THỨ NHẤT - TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2016

Kế hoạch SXKD năm 2016 của DMC được Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chấp thuận tại Nghị quyết số 9173/NQ – DKVN ngày 30/12/2015, được Đại hội đồng cổ đông DMC thông qua ngày 25/4/2016 tại Nghị quyết số 661/NQ-DMC với các chỉ tiêu chính:

- **Chỉ tiêu kế hoạch hợp nhất Tổng công ty**
 - Sản lượng sản xuất: 60 750 tấn
 - Doanh thu: 3 000 đồng / 2810
 - Lợi nhuận trước thuế: 103,4 tỷ đồng / 1,
 - Lợi nhuận sau thuế: 82,7 tỷ đồng. / 0
 - Nộp ngân sách: 153,5 tỷ đồng. / 420

- **Chỉ tiêu kế hoạch Công ty Mẹ - Tổng công ty**
 - Tổng doanh thu : 1 857,1 tỷ đồng
 - Lợi nhuận trước thuế: 107,4 tỷ đồng / 100
 - Lợi nhuận sau thuế: 107,4 tỷ đồng / 100
 - Nộp ngân sách nhà nước: 55,5 tỷ đồng / 100
 - Tổng mức đầu tư: 6,3 tỷ đồng
 - Tỷ lệ chia cổ tức: 14 %

Triển khai thực hiện Kế hoạch năm 2016, DMC có được những yếu tố thuận lợi: là đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, DMC tiếp tục nhận được sự quan tâm hỗ trợ từ Tập đoàn; chính sách ưu tiên sử dụng dịch vụ của các đơn vị thành viên trong Tập đoàn là động lực để DMC xây dựng và phát triển mảng dịch vụ hoá kỹ thuật dầu khí; xây dựng chuỗi cung ứng hoá chất ngày càng chuyên nghiệp, tạo doanh thu và lợi nhuận ổn định và là điểm sáng trong hoạt động của DMC năm 2016; thực hiện gia hạn/ký kết một số hợp đồng kinh doanh/dịch vụ từ cuối năm 2015 gói đầu thực hiện cho năm 2016.

Tuy nhiên, bên cạnh đó, DMC tiếp tục phải đối mặt với rất nhiều khó khăn và thách thức, đặc biệt là giá dầu thô biến động phức tạp và luôn ở mức thấp (*giao động ở mức 40-50 USD/thùng*) đã ảnh hưởng trực tiếp đến toàn bộ hoạt động cốt lõi của DMC. Tất cả các chỉ tiêu kế hoạch năm 2016 đều không đảm bảo theo mục tiêu kế hoạch và sụt giảm mạnh so với năm 2015. Các khó khăn chính trong năm 2016:

- Khối lượng công việc trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ dung dịch khoan giảm mạnh so với kế hoạch do các nhà thầu thực hiện dừng, giãn tiến độ các dự án khoan, khai thác. Năm 2016 DMC chỉ thực hiện cung cấp dịch vụ dung dịch khoan cho 20 giếng khoan và 2 giếng sửa/55 giếng kế hoạch; Đồng thời, giá dịch vụ cung cấp giảm từ 5-10% theo chủ chương chung của Tập đoàn dẫn tới lợi nhuận từ lĩnh vực dịch vụ chủ đạo này của DMC bị giảm mạnh;

- Các đơn vị sản xuất (DMC-MB, DMC-MT, DMC-MN) tiếp tục gặp khó khăn trong việc tiêu thụ các sản phẩm sản xuất chủ yếu phục vụ cho hoạt động khoan khai thác của ngành dầu khí, phải tạm dừng sản xuất và ghi nhận lợi nhuận lỗ trong năm; đồng thời giá cổ phiếu của DMC-MB tại sàn HNX giảm mạnh (dưới 5000 đồng/cổ phiếu), do vậy DMC đã phải trích lập dự phòng đầu tư tài chính cho các đơn vị này là 27,3 tỷ đồng năm 2016;

- Tình trạng nợ đọng từ các nhà thầu dầu khí do gặp khó khăn về tài chính, Tổng công ty đã phải trích lập dự phòng 23,9 tỷ đồng, ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động SXKD của DMC.

- Tình hình tài chính của MI VN gặp nhiều khó khăn đặc biệt là vấn đề dòng tiền do phát sinh nợ phải thu, nợ quá hạn, hàng tồn kho lớn do các dự án thăm dò, khai thác dầu khí phải dừng, giãn tiến độ thực hiện do giá dầu xuống thấp. Năm 2016 MI VN chỉ chia lợi nhuận về công ty mẹ DMC 56,7 tỷ đồng/89,2 tỷ đồng, bằng 63,6% kế hoạch, ảnh hưởng lớn kết quả của công ty mẹ - Tổng công ty DMC.

Từ những yếu tố này dẫn tới tổng thể hoạt động SXKD năm 2016 của DMC không đảm bảo theo mục tiêu kế hoạch.

Kết quả SXKD toàn Tổng Công ty DMC

- Doanh thu đạt 3092,3 tỷ đồng, đạt 103% KH năm 2016 và bằng 84% so với năm 2015.
- Lợi nhuận trước thuế -18,27 tỷ đồng/103,4 tỷ đồng KH năm 2016
- Nộp ngân sách đạt 147,8 tỷ đồng, đạt 96,2% KH năm 2016 và bằng 92,2 % so với năm 2015.

Kết quả SXKD Công ty mẹ - Tổng Công ty DMC

- Tổng doanh thu đạt 2208,6 tỷ đồng, đạt 119% KH năm 2016 và bằng 115% so với năm 2015.

- Lợi nhuận trước thuế đạt 5,713 tỷ đồng, đạt 5,3% KH năm 2016 và bằng 4 % so với năm 2015.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 5,713 tỷ đồng, đạt 5,3% KH năm 2016 và bằng 4 % so với năm 2015.
- Nộp ngân sách nhà nước đạt 83,5 tỷ đồng, đạt 150 % kế hoạch năm 2016 và bằng 164% so với năm 2015.
- Đầu tư xây dựng đạt 7,96 tỷ đồng, đạt 126% KH năm 2016 và bằng 227% so với năm 2015.
- Tỷ lệ chia cổ tức 14% theo đúng Nghị quyết đại hội cổ đông số 661/NQ-DMC ngày 25/4/2016.

Kết quả hoạt động các lĩnh vực chính của Tổng công ty năm 2016:

1. **Lĩnh vực dịch vụ hóa kỹ thuật:** Là lĩnh vực bị tác động ảnh hưởng nhiều nhất từ việc giảm giá dầu thô nên doanh thu và lợi nhuận trong năm 2016 giảm mạnh. Doanh thu đạt 1022 tỷ đồng, bằng 62% so với năm 2015 và lợi nhuận 29 tỷ đồng, bằng 12% so với năm 2015.

- **Về cung cấp dịch vụ dung dịch khoan:** Lĩnh vực này tuy vẫn giữ vững được toàn bộ thị phần trong nước, song số lượng giếng khoan thực hiện trong năm 2016 giảm nhiều so với kế hoạch dự kiến ban đầu. Biên lợi nhuận thực hiện giảm mạnh so với các năm trước do DMC phải giảm giá giá cung cấp dịch vụ để đảm bảo tính cạnh tranh, phù hợp với tình hình giá dầu bị xuống thấp kỷ lục. Trong năm 2016, DMC-WS chỉ thực hiện cung cấp dịch vụ dung dịch khoan cho nhà thầu duy nhất là VSP với tổng số 6 giếng trên 5 giàn khoan; M-I Viet Nam, thực hiện cung cấp dịch vụ dung dịch khoan cho các khách hàng Bien Dong POC, Vietsovetro, Cuu Long JOC, Idemitsu, Murphy, KNOC với tổng số 14 giếng khoan và 2 giếng sửa trên 7 giàn khoan, tổng doanh thu 833 tỷ đồng, bằng 51% so với năm 2015 và lợi nhuận đạt 33,2 tỷ đồng, bằng 14% so với năm 2015.

- **Về cung cấp dịch vụ công nghiệp:** Lĩnh vực này đã ghi nhận những kết quả tích cực trong năm, với doanh thu 150 tỷ đồng, đạt 150% KH năm. Sự thành công bước đầu của mảng này là kết quả của việc chuẩn bị kỹ lưỡng từ những năm trước và nỗ lực bám việc, bám thị trường của Tổng công ty năm nay. Trong năm 2016 DMC tiếp tục tập trung mở rộng, phát triển thị trường, khách hàng trong và ngoài ngành nhằm gia tăng giá trị và khối lượng công việc thực hiện. Tổng công ty đã ký kết và triển khai một số hợp đồng lớn trong lĩnh vực làm sạch tại Nghi Sơn, Dung Quất và VSP; Đồng thời, cũng đã ký kết và triển khai các hợp đồng trong lĩnh vực xử lý môi trường tại dự án Nghi Sơn mang lại hiệu quả kinh tế. Đặc biệt đã đấu thầu thành công gói thầu “Cung cấp dịch vụ bảo dưỡng cho khu vực Offsite 2, các bể cầu và đường ống nước biển trong đợt bảo dưỡng tổng thể lần 3 của BSR – Gói thầu số 5”, tổng giá trị khoảng 80 tỷ đồng thực hiện trong năm 2017. Đây ghi nhận sự phát triển tốt của DMC trong việc cung cấp các dịch vụ bảo dưỡng các nhà máy lọc hóa dầu.

- **Về nghiên cứu ứng dụng và dịch vụ hỗ trợ khai thác :** DMC tiếp tục triển khai 06 hợp đồng dịch vụ kỹ thuật chuyển tiếp từ năm 2015 và một số HĐ dịch vụ ký mới trong năm 2016 với các khách hàng: JVPC, Cuu Long JOC, INCODEMIC, PVEP POC và VSP. Để tăng tính linh hoạt trong cơ cấu dịch vụ của Tổng công ty trong bối cảnh khâu thương nguồn gặp khó khăn, Chi nhánh DMC –RT cũng đã phát triển thêm 01 dịch vụ mới “Dịch vụ bảo tồn sự vẹn toàn của các công trình, thiết bị” phục vụ các nhà máy sản xuất, chế biến

N

dầu khí, điện, đạm,... và đã ký kết, triển khai thực hiện 01 hợp đồng trong lĩnh vực này với Vinaincon, với tổng giá trị 11,5 tỷ đồng.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

- Tổng công ty DMC đã xây dựng được chuỗi cung ứng hoá chất ngày càng chuyên nghiệp. Triển khai cung cấp hoá chất cho hầu hết các hoạt động của ngành Dầu khí từ khoan, khai thác, lọc hóa dầu và ngành phụ trợ như Điện, Đạm. Đặc biệt đã tổ chức tốt dịch vụ kỹ thuật đi kèm, từ dịch vụ logistic trên bờ tới dịch vụ tối ưu hoá sử dụng hoá chất tại một số giàn khai thác, cải tiến chất lượng một số sản phẩm Demulsifier, PPD, Water Clarifier để nâng cao hiệu quả sử dụng hoá chất, giảm giá thành, đảm bảo tính cạnh tranh của dịch vụ. Năm 2016 cũng đánh dấu bước tiến quan trọng trong lĩnh vực kinh doanh sản phẩm hóa dầu của DMC khi đã được ADNOC (Công ty Dầu khí nhà nước của Tiểu Vương Quốc Ả rập Thống Nhất) chấp nhận là một trong tám đại lý toàn cầu về phân phối sản phẩm Lưu huỳnh của ADNOC, Đây sẽ là tiền đề để phát triển DMC có thể bao tiêu SP lưu huỳnh từ các nhà máy lọc dầu Việt Nam và trở thành nhà phân phối lưu huỳnh hàng đầu Việt Nam và khu vực.

Mặc dù một số hoá chất cung cấp cho lĩnh vực hoạt động khoan khai thác dầu khí giảm mạnh do tác động của việc giảm giá dầu thô, song nhờ đẩy mạnh được kinh doanh PP và Lưu huỳnh nên doanh thu của lĩnh vực kinh doanh vẫn đảm bảo theo mục tiêu kế hoạch đặt ra. Doanh thu đạt 1601 tỷ đồng, đạt 131% KH; lợi nhuận trước thuế đạt 13,96 tỷ đồng.

- **Hoá chất cho dung dịch khoan:** Hoá chất cho dung dịch khoan sụt giảm mạnh chỉ bằng 39% so với năm 2015. Năm 2016, Tổng công ty đã trúng 02 gói thầu cung cấp hoá chất cho VSP, tổng trị giá hơn 30 tỷ đồng.

- **Hoá chất cho khai thác dầu khí:** Mặc dù chiếm tỷ trọng nhỏ nhưng doanh thu và lợi nhuận tăng gấp gần 2 lần so với năm 2015 thể hiện hướng đi đúng đắn và nỗ lực của DMC trong mảng kinh doanh này. Năm 2016 DMC đã trúng thầu cung cấp dịch vụ trọn gói hoá chất cho Biển Đông POC, một số hoá chất (Demulsifier, TEG) cho VSP, cung cấp Demulsifier, Corrosion Inhibitor cho PVEP POC và đã mở rộng phạm vi cung cấp theo hợp đồng dịch vụ hoá chất cho Cửu Long JOC so với trước đây.

- **Hoá chất lọc hoá dầu:** Tiếp tục mở rộng danh mục sản phẩm cung cấp cho NMLHD Dung Quất; Tham gia đầu thầu và đã trúng thầu cung cấp hoá chất HPXT cho JGC thuộc dự án NMLHD Nghi Sơn, trị giá 100 tỷ đồng mở tiền đề cho việc cung cấp HPXT dài hạn cho các nhà máy lọc hóa dầu tại Việt Nam và các nhà máy có sử dụng xúc tác khác.

- **Kinh doanh sản phẩm hoá dầu:** Lĩnh vực này mang lại doanh thu gần 1198 tỷ đồng, tăng gấp 2 lần so với năm 2015. Ngoài việc tiêu thụ hết lượng PP tiếp nhận từ BSR, DMC đã đẩy mạnh kinh doanh sản phẩm PP nhập khẩu và kinh doanh thêm PP nội địa, do vậy doanh thu đạt ở mức cao, đóng góp phần lớn doanh thu cho Công ty Mẹ.

- **Kinh doanh Lưu huỳnh:** Doanh thu đạt 172,9 tỷ đồng, lợi nhuận 10,4 tỷ đồng. Đây là con số có ý nghĩa trong bối cảnh khó khăn hiện nay. Năm 2016, DMC đã hoàn thành 03 hợp đồng cung cấp 80.000 tấn Lưu huỳnh cho khách hàng Kairos, PetroChina và khách hàng Simosa.

- **Hoạt động xuất khẩu:** DMC đã tích cực mở rộng thị trường và tìm kiếm các khách hàng để thực hiện xuất khẩu sản phẩm Barite. Tuy nhiên, do hoạt động khoan dầu khí sụt giảm dẫn tới nhu cầu về Barite giảm mạnh, năm 2016 chỉ thực hiện xuất khẩu 3000 tấn Barite (sản xuất tại DMC-VTS, Lào) cho khách hàng Ấn Độ với tổng giá trị 7,6 tỷ đồng.

DMC tiếp tục tìm kiếm các đơn hàng xuất khẩu nhằm giải phóng lượng sản phẩm tồn kho để tiếp tục duy trì sản xuất tại DMC MB.

3. Lĩnh vực sản xuất, nghiên cứu KH và phát triển sản phẩm mới:

Năm 2016, tổng sản lượng sản xuất của Tổng công ty không đảm bảo theo mục tiêu kế hoạch, do sản phẩm truyền thống của Tổng công ty sản xuất bao gồm: Xi măng G, Bentonite API, Bentonite nội địa,..... thị trường tiêu thụ chậm một phần do tác động của việc giảm giá dầu, mặt khác do việc triển khai các giải pháp mở rộng, phát triển thị trường tiêu thụ ngoài ngành của các đơn vị thành viên trong DMC chưa mang lại hiệu quả, do vậy các đơn vị đã phải dừng sản xuất để tránh hàng tồn kho ứ đọng vốn.

- Để tháo gỡ các khó khăn trong hoạt động sản xuất, đồng thời tạo công ăn việc làm cho người lao động, Tổng công ty cũng đã nỗ lực chỉ đạo triển khai các giải pháp nghiên cứu phát triển các dòng sản phẩm/dịch vụ mới đa dạng hoá sản phẩm sản xuất/dịch vụ và gia tăng giá trị hoạt động. Trong năm 2016, Tổng công ty đã nghiên cứu và sản xuất thành công một số sản phẩm mới: Xi măng OWC, Xi măng bền sunfat trên hệ thống dây chuyền sản xuất xi măng tại NM Cái Mép nhằm đáp ứng yêu cầu thị trường và tận dụng tối đa công suất nhà máy Cái Mép. Trong năm 2016 đã cung cấp cho VSP 680 tấn Xi măng OWC và 207 tấn Xi măng bền sunfat cho các đơn vị ngoài ngành.

Thử nghiệm công nghiệp thành công hệ Protrol trên giếng 902-RC9, giàn Tam Đảo 03 của Vietsovpetro. Thử nghiệm thành công một số hoá chất khai thác tại các mỏ của Cuu Long JOC và PVEP POC;

Triển khai phân tích, đánh giá một số hoá phẩm, hệ dung dịch khoan gốc tổng hợp (SBS) để từng bước xây dựng hệ dung dịch khoan gốc dầu, gốc tổng hợp cho DMC nhằm kịp thời đưa ra cung cấp cho khách hàng khi có yêu cầu.

4. Công tác đầu tư: Năm 2016, trong bối cảnh khó khăn, DMC đã thực hiện rà soát toàn bộ các dự án đầu tư và chỉ thực hiện đầu tư mua sắm các trang thiết bị thiết yếu phục vụ cho hoạt động SXKD của đơn vị. Đồng thời DMC tập trung đẩy mạnh công tác nghiên cứu, tìm kiếm cơ hội đầu tư gắn liền với các hoạt động trong ngành, cụ thể: Dự án Căn cứ dịch vụ hóa chất tại Cảng xăng dầu, LPG Vũng Áng, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh; Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất Lưu huỳnh (pastille) với nguồn nguyên liệu Lưu huỳnh lỏng từ Nhà máy LD Dung Quất mở rộng; Dự án sản xuất CA/EDC/VCM; Dự án sản xuất xúc tác dầu khí. Trong bối cảnh SXKD của Tổng công ty đang gặp khó khăn, công tác đầu tư phát triển cảng phải được coi là nhiệm vụ quan trọng, mức độ quyết tâm cảng phải cao.

5. Công tác quản trị doanh nghiệp: Tổng công ty tiếp tục triển khai công tác tái cấu trúc theo Nghị quyết của Tập đoàn. Trong năm 2016 Tổng công ty đã xây dựng các phương án và tìm kiếm các đối tác để thực hiện thoái bớt phần vốn góp tại DMC -MT và thoái toàn bộ phần vốn của DMC tại DMC-VTS. Song song với đó, Tổng công ty cũng đã triển khai rà soát, sắp xếp lại các Ban/Văn phòng Công ty Mẹ - DMC từ 07 Ban/Văn phòng xuống còn 05 Ban/Văn phòng; Xây dựng phương án sáp nhập Ban Kinh doanh vào Chi nhánh DMC - HCM; Đồng thời chỉ đạo các đơn vị tiếp tục thực hiện rà soát, định biên lại lao động phù hợp với mô hình hoạt động.

Trong năm 2016, Tổng công ty cũng đã triển khai rà soát, chỉnh sửa nhiều quy chế, quy định nội bộ phù hợp hơn với tình hình hiện nay nhằm chuẩn hoá công tác quản lý theo hướng hiện đại như sửa đổi Quy chế "Xây dựng kế hoạch - Giao kế hoạch - Kiểm soát thực hiện kế hoạch và đánh giá hoàn thành kế hoạch hàng năm", Quy chế quản lý tài chính

11

Công ty Mẹ và các Chi nhánh,... và một số quy chế khác. Xác định công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực trong việc thực hiện, phát triển hiệu quả các chiến lược của DMC, trong năm 2016, Tổng công ty đã thực hiện đào tạo 562 lượt người với kinh phí 910 triệu đồng.

6. Công tác phát triển thương hiệu của DMC: Thương hiệu DMC luôn được quan tâm xây dựng vì đó là một tài sản quan trọng đối với một đơn vị cung cấp dịch vụ như DMC. Các hoạt động xây dựng thương hiệu đã được triển khai thực chất bằng việc luôn đảm bảo tiến độ, chất lượng cung cấp dịch vụ, sản phẩm. Nhiều khách hàng biết đến thương hiệu DMC hơn, kể cả ở nước ngoài và luôn nhận được đánh giá tốt.

7. Công tác An sinh - xã hội, công tác đoàn thể:

Là một doanh nghiệp có trách nhiệm xã hội, DMC đã triển khai nhiều hoạt động an sinh xã hội, trong đó Tổ chức làm thêm ngày thứ 7 để ủng hộ Quỹ tương trợ Dầu khí. Ủng hộ đồng bào lũ lụt Miền Trung. Ủng hộ xây dựng công trình trường Tiểu học xã Kim Lộc, huyện Kim Lộc, tỉnh Hà Tĩnh số tiền là 2,27 tỷ đồng

Công tác đoàn thể: Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội cựu chiến binh đã phối hợp tổ chức nhiều hoạt động trong năm. Tổ chức chúc Tết và tặng quà cho các đoàn viên Công đoàn cơ sở DMC có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp Tết Nguyên đán Bính Thân năm 2016. Tổ chức thăm hỏi và tặng quà cho cán bộ công nhân viên lao động bị bệnh hiểm nghèo. Phát động, tuyên truyền trong toàn Tổng công ty cuộc thi “Hành trình Petrovietnam 2016” và chỉ đạo các Công đoàn cơ sở thành viên xây dựng, tổ chức các hoạt động hướng đến Kỷ niệm ngày truyền thống ngành Dầu khí và Công đoàn Dầu khí và các hoạt động thể thao, văn nghệ khác.

Một số điểm nổi bật trong hoạt động SXKD của Tổng công ty năm 2016:

- Được ADNOC (Công ty Dầu khí nhà nước của Tiểu Vương Quốc Ả rập Thống Nhất) chấp nhận là một trong tám đại lý toàn cầu về phân phối sản phẩm Lưu huỳnh của ADNOC, đây sẽ là cơ sở để DMC phát triển lĩnh vực này ở quy mô nhà phân phối toàn khu vực.

- Xây dựng được chuỗi cung ứng hoá chất ngày càng chuyên nghiệp: DMC đã triển khai cung cấp hoá chất cho hầu hết các hoạt động của ngành Dầu khí từ khoan, khai thác, lọc hoá dầu và ngành phụ trợ như Điện, Đạm. Đặc biệt DMC đã tổ chức tốt dịch vụ kỹ thuật đi kèm, từ dịch vụ logistic trên bờ tới dịch vụ tối ưu hoá sử dụng hoá chất tại một số giàn khai thác, cải tiến chất lượng một số sản phẩm Demulsifier, PPD, Water Clarifier để nâng cao hiệu quả sử dụng hoá chất, giảm giá thành, đảm bảo tính cạnh tranh của dịch vụ.

- Triển khai nghiên cứu và sản xuất thành công một số sản phẩm mới: Xi măng OWC, Xi măng bền sunfat trên hệ thống dây chuyền sản xuất xi măng tại NM Cái Mép nhằm đáp ứng yêu cầu thị trường và tận dụng tối đa công suất nhà máy Cái Mép.

- Thử nghiệm công nghiệp thành công hệ Protrol trên giếng 902-RC9, giàn Tam Đảo 03 của Vietsovpetro. Thử nghiệm thành công một số hoá chất khai thác tại các mỏ của Cuu Long JOC và PVEP POC;

- Dẫn khẳng định được thương hiệu của DMC trong lĩnh vực dịch vụ làm sạch và xử lý môi trường qua việc triển khai thành công các hợp đồng dịch vụ lớn và có giá trị tại Nghi Sơn, Dung Quất... Đây sẽ là cơ sở và nền tảng để trong năm 2017 DMC sẽ tập trung mở

rộng và phát triển lĩnh vực dịch vụ cho các khách hàng tiềm năng như: Đạm Phú Mỹ, NM Điện, NM LHD Long Sơn...

- Bước đầu cung cấp hóa chất xúc tác cho nhà máy lọc dầu Nghi Sơn, mở ra cơ hội cung cấp xúc tác một cách thường xuyên và lâu dài cho các nhà máy lọc dầu tại Việt Nam

- Lĩnh vực dịch vụ công nghiệp có sự tăng trưởng tốt về chất lượng và số lượng trên các dự án lớn của Tập đoàn như dự án Lọc hóa dầu Nghi Sơn, nhà máy lọc dầu Dung Quất. Sản phẩm/dịch vụ được chủ đầu tư/khách hàng đánh giá cao.

PHẦN 2 - KẾ HOẠCH VÀ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2017

Năm 2017, DMC đã triển khai rà soát, đánh giá tình hình thực tế của ngành dầu khí nói chung và của DMC nói riêng để đặt ra kế hoạch cho năm 2017 với các chỉ tiêu cơ bản:

1. Các chỉ tiêu Kế hoạch hợp nhất chủ yếu toàn Tổng công ty:

Vốn Điều lệ:	554,2 tỷ đồng
Tổng doanh thu:	2 660 tỷ đồng
Lợi nhuận trước thuế:	25 tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế:	17,8 tỷ đồng
Nộp NSNN:	116,3 tỷ đồng

2. Chỉ tiêu kế hoạch Công ty Mẹ - Tổng công ty:

Vốn điều lệ:	554,2 tỷ đồng
Tổng doanh thu:	1889,4 tỷ đồng
Lợi nhuận trước thuế:	30,4 tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế:	30,4 tỷ đồng
Nộp NSNN:	50 tỷ đồng
Tổng mức ĐTXDCB:	16,16 tỷ đồng
Chia cổ tức	13,15% (trong đó 7% chia bằng cổ phiếu, tăng vốn điều lệ) (3%)

3. Nhiệm vụ trọng tâm năm 2017 :

- Tập trung các nguồn lực, thực hiện các giải pháp đồng bộ nhằm đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch 2017;

- Phát huy tối đa thế mạnh của DMC trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ kỹ thuật công nghiệp khác: dịch vụ làm sạch, xử lý môi trường, chống ăn mòn...

- Mở rộng thị trường, chuyên nghiệp hóa hoạt động kinh doanh các sản phẩm, gia tăng danh mục các sản phẩm kinh doanh mới;

- Tiếp tục thực hiện công tác tái cấu trúc giai đoạn 2016-2020 theo phương án được Tập đoàn phê duyệt; hoàn thiện mô hình tổ chức hoạt động Tổng công ty và các đơn vị thành viên, tạo điều kiện để các đơn vị phát huy được hết các nguồn lực thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị;

- Thực hiện rà soát, sửa đổi/bổ sung và hoàn thiện hệ thống quy chế/quy định nội bộ cho phù hợp với các Luật, Nghị định và các văn bản mới có hiệu lực của Nhà nước, Tập đoàn và tình hình thực tiễn của đơn vị;
- Tăng cường công tác quản trị, kiểm soát chi phí, quản lý công nợ. Chủ động rà soát, đánh giá và thực hiện đầy đủ các biện pháp quản trị rủi ro theo quy định. Thực hiện quản lý và sử dụng vốn an toàn, hiệu quả đúng mục đích;
- Thực hiện quyết toán dứt điểm các dự án đã hoàn thành theo đúng quy định;
- Nâng cao chất lượng và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ; Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty nhằm đảm bảo an toàn, hiệu quả vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác;
- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, tăng cường kết hợp với Viện dầu khí Việt Nam/các đơn vị nghiên cứu khoa học trong việc nghiên cứu để có dòng sản phẩm/dịch vụ mới cho DMC; Tập trung cho công tác nghiên cứu, ứng dụng các hóa chất thay thế còn lại trong hệ dung dịch khoan bản quyền của DMC;
- Tiếp tục thực hiện nghiên cứu, đánh giá tính khả thi của việc đầu tư góp vốn vào các Công ty CP triển khai dự án Nhà máy sản xuất hóa chất xúc tác dầu khí tại Quảng Ngãi và Công ty CP triển khai dự án sản xuất CA/EDC/VCM tại Long Sơn;
- Đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, thực hiện tốt công tác an sinh xã hội; đảm bảo tỷ lệ chia cổ tức cho các cổ đông theo kế hoạch.
- Duy trì, cải tiến và hoàn thiện và thực hiện tốt hệ thống quản lý ISO 9000 - ISO 14000 - OHSAS 18000;

Sang năm 2017, TCT đã đánh giá đầy đủ những khó khăn và thuận lợi để đảm bảo thực hiện các mục tiêu kế hoạch ở mức cao nhất có thể. Một số thuận lợi cơ bản là:

- DMC đã xây dựng được chuỗi kinh doanh chuyên nghiệp, đây là cơ sở để trong năm 2017 DMC tiếp tục mở rộng hoạt động kinh doanh, gia tăng doanh thu và lợi nhuận. Đồng thời, trong năm 2016 đã triển khai cung cấp hóa chất xúc tác cho nhà máy lọc dầu Nghi Sơn, mở ra cơ hội cung cấp xúc tác một cách thường xuyên và lâu dài cho các nhà máy lọc dầu tại Việt Nam.
- Đã khẳng định được thương hiệu của DMC trong lĩnh vực dịch vụ làm sạch và xử lý môi trường, đây sẽ là một thuận lợi và nền tảng để trong năm 2017 DMC sẽ tập trung mở rộng và phát triển lĩnh vực dịch vụ cho các khách hàng tiềm năng như: Đạm Phú Mỹ, NM Điện, NM LHD Long Sơn...
- Đội ngũ nhân lực của DMC đã dần trưởng thành và tích lũy được những kinh nghiệm nhất định. Tinh thần đổi mới, dám nghĩ dám làm, hăng say lao động của CBCNV trong toàn TCT dần được nâng lên.
- Tiếp tục nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của Tập đoàn dầu khí Việt Nam và các đơn vị thành viên trong ngành.

Tuy nhiên, trong bối cảnh giá dầu thô diễn biến phức tạp sẽ còn có rất nhiều khó khăn và thách thức, đòi hỏi chúng ta phải cố gắng nỗ lực và phấn đấu.

Về khách quan, năm 2017, theo dự báo kinh tế thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp do những bất ổn về kinh tế và chính trị tại một số nước trên thế giới. Đặc biệt dự báo diễn biến giá dầu thô trên thị trường thế giới tiếp tục biến động phức tạp và không ổn định, tác động

lớn đến hoạt động sản xuất - kinh doanh của toàn bộ các DN ngành dầu khí nói chung và Tổng công ty DMC nói riêng. Trong năm 2017, Tổng công ty xây dựng kế hoạch trên cơ sở dự kiến kế hoạch khoan của các nhà thầu dự kiến khoảng 25 giếng firm, 2 giếng dự phòng, huỷ và sửa 11 giếng; giá dầu thô trong khoảng từ 45-55 USD/thùng.

Về chủ quan, lĩnh vực dịch vụ của DMC vẫn còn ít với quy mô nhỏ, chất lượng nguồn nhân lực còn hạn chế, quy mô tài sản và vốn không lớn, nền tảng sản xuất dựa trên trình độ công nghệ không phức tạp nên tiềm lực để tăng tốc phát triển không mạnh.

Các dự án đầu tư mới đi vào hoạt động bên cạnh yếu tố thuận lợi cho hoạt động SXKD nhưng đồng thời tạo áp lực lớn trong vấn đề gia tăng chi phí trong hoạt động do chi phí lãi vay, khấu hao thiết bị nhà xưởng trong những năm đầu vận hành các dự án.

Một số sản phẩm chính của DMC như Barite, CaCO₃ có lượng tồn kho lớn từ cuối năm 2016, gây tổn động vốn, ảnh hưởng tới dòng tiền cho hoạt động của doanh nghiệp. Việc tiêu thụ các sản phẩm này chưa có dấu hiệu khả quan, vì vậy việc gia tăng sản lượng sản xuất của DMC trong năm 2017 là rất khó khăn.

Lĩnh vực dịch vụ chủ đạo là dịch vụ dung dịch khoan sẽ tiếp tục chịu ảnh hưởng nặng nề của việc giảm giá dầu thô, doanh thu và lợi nhuận sẽ tiếp tục giảm. Đồng thời, việc duy trì thị phần dung dịch khoan trong nước sẽ bị áp lực rất lớn do các Công ty dịch vụ của nước ngoài sẵn sàng chào pháp giá thị trường để đặt chân vào Việt Nam và tìm kiếm thị trường mới trong bối cảnh năng lực dịch vụ bị dư thừa lớn.

Đứng trước tình hình trên, TCT DMC đã xác định các giải pháp triển khai thực hiện kế hoạch năm 2017 như sau:

- Giải pháp về tài chính, quản trị:

→ Tăng cường, mở rộng quan hệ với các tổ chức tài chính trong và ngoài nước để huy động được nguồn vốn hợp lý nhất đảm bảo cho hoạt động SXKD và đầu tư;

→ Kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất, chi phí quản lý; Tiếp tục tìm kiếm các nguồn cung cấp mới để giảm giá đầu vào cho các sản phẩm.

→ Bán, chuyển nhượng các tài sản để giảm áp lực tài chính, bổ sung nguồn vốn tái cơ cấu đầu tư các lĩnh vực mới.

→ Tích cực thu hồi công nợ để giảm trích dự phòng nợ quá hạn trong năm 2016, đồng thời hạn chế tối đa phải trích lập mới;

→ Theo dõi, kiểm soát chặt chẽ lượng hàng tồn kho để có kế hoạch sản xuất phù hợp, tránh việc sản phẩm tồn kho gây tổn động vốn;

→ Tiếp tục tái cơ cấu tổ chức nguồn nhân lực để có được một bộ máy gọn nhẹ hơn, chất lượng cao và hoạt động hiệu quả.

→ Tập trung đào tạo nghề, chuyên môn có chọn lọc và phù hợp với vị trí chức danh công việc cho đội ngũ lao động; tập trung đào tạo các kỹ sư và đội ngũ kỹ thuật đủ trình độ cho các lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật mới; Làm sạch môi trường và dịch vụ làm sạch thiết bị công nghiệp.

→ Có chính sách hợp lý đối phó với biến động của tỷ giá và lãi suất, những yếu tố được dự báo sẽ biến động trong năm 2017.

→ Xây dựng và triển khai thực hiện tốt văn hóa doanh nghiệp DMC, xây dựng thương hiệu DMC ngày càng có giá trị.

- Giải pháp về công nghệ đầu tư:

- Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện việc thử nghiệm thay thế hóa chất để hoàn thiện hệ dung dịch khoan gốc dầu của DMC;
- Hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước phát triển dịch vụ/ hóa chất cho khai thác dầu khí.
- Hợp tác với các đối tác trong nước và nước ngoài nhằm phát huy lợi thế và tiếp thu công nghệ, kỹ thuật của đối tác để thực hiện các dự án trong lĩnh vực xử lý nước và xử lý môi trường cùng DMC.
- Tích cực nghiên cứu, đầu tư các dự án mới kể cả các dự án ngoài ngành dầu khí để duy trì và mở rộng quy mô của Tổng Công ty.

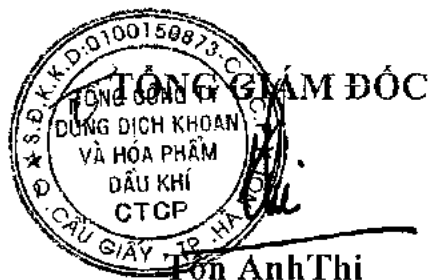
- *Giải pháp về tổ chức sản xuất:*

- Triển khai tìm kiếm các mỏ nguyên liệu mới, đảm bảo ổn định về nguyên liệu phục vụ sản xuất các sản phẩm trong Tổng công ty.
- Phát huy tối đa năng lực sản xuất, nghiên cứu các dòng sản phẩm mới có thể đáp ứng cho nhu cầu khác của thị trường trong và ngoài ngành dầu khí.
- Nghiên cứu, hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư dự án sản xuất một số sản phẩm mới mang lại hiệu quả kinh tế và giải quyết vấn đề công ăn việc làm cho người lao động (CaCO₃, Hóa chất xúc tác Dầu khí, CA/EDC/VCM ...).
- Tìm kiếm các dự án sản xuất mới trong bối cảnh các dự án ngành dầu khí gặp khó khăn có thể kéo dài.

- *Giải pháp về thị trường:*

- Liên tục xây dựng và phát triển hệ thống nhà cung cấp uy tín, chất lượng, giá cả cạnh tranh; Đa dạng hóa nguồn hàng, ngành hàng;
- Kết hợp chặt chẽ công tác thu thập thông tin nghiên cứu thị trường để mở rộng thị trường xuất khẩu và nội địa, thị trường trong và ngoài ngành; Tìm kiếm sản phẩm mới để mở rộng thị trường kinh doanh.
- Giảm tồn kho bằng mọi giá, tiêu thụ được ở mức cao nhất các sản phẩm truyền thống do các đơn vị thành viên của DMC sản xuất (Barite, Bentonite, Canxit...) để hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị thành viên;
- Xây dựng hệ thống, đẩy mạnh triển khai cung cấp hóa chất phục vụ cho các nhà máy lọc hóa dầu, các nhà máy điện và các khách hàng ngoài ngành để bù đắp các khó khăn của việc kinh doanh tại khâu đầu.
- Hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để mở rộng phạm vi, lĩnh vực sản xuất kinh doanh ra ngoài ngành dầu khí.
- Tập trung tăng cường mở rộng và phát triển dịch vụ công nghiệp bao gồm dịch vụ làm sạch bằng cơ khí, làm sạch bằng hóa chất, dịch vụ chống ăn mòn, dịch vụ môi trường tại các dự án trong và ngoài ngành.

Kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông.



Tôn Anh Thi

BÁO CÁO
TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG 2016 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY DMC

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Tổng công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí

Phần 1: Tổng kết, đánh giá hoạt động của HĐQT năm 2016

I. Đánh giá chung tình hình hoạt động của Tổng công ty năm 2016

Năm 2016, ngành Dầu khí tiếp tục phải đối mặt với nhiều thách thức do giá dầu giữ ở mức thấp trong thời gian dài, giao động trong khoảng từ 40-50 USD/thùng đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của Tập đoàn và các đơn vị thành viên, trong đó có DMC. Mặc dù, tập thể lãnh đạo và toàn thể CBCNV Tổng công ty đã cùng nhau cố gắng, quyết tâm thực hiện kế hoạch, tuy nhiên, hoạt động SXKD của DMC vẫn gặp phải nhiều khó khăn, các chỉ tiêu thực hiện toàn Tổng công ty năm 2016 đều không đạt kế hoạch đề ra, cụ thể:

Kết quả SXKD toàn Tổng Công ty DMC

- Doanh thu đạt 3092,3 tỷ đồng, đạt 103% KH năm 2016 và bằng 84% so với năm 2015.
- Lợi nhuận trước thuế -18,27 tỷ đồng/103,4 tỷ đồng KH năm 2016
- Nộp ngân sách đạt 147,8 tỷ đồng, đạt 96,2% KH năm 2016 và bằng 92,2 % so với năm 2015.

Kết quả SXKD Công ty mẹ - Tổng Công ty DMC

- Tổng doanh thu đạt 2208,6 tỷ đồng, đạt 119% KH năm 2016 và bằng 115% so với năm 2015.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 5,713 tỷ đồng, đạt 5,3% KH năm 2016 và bằng 4 % so với năm 2015.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 5,713 tỷ đồng, đạt 5,3% KH năm 2016 và bằng 4 % so với năm 2015.
- Nộp ngân sách nhà nước đạt 83,5 tỷ đồng, đạt 150 % kế hoạch năm 2016 và bằng 164% so với năm 2015.
- Đầu tư xây dựng đạt 7,96 tỷ đồng, đạt 126% KH năm 2016 và bằng 227% so với năm 2015.

a

- Tỷ lệ chia cổ tức 14% theo Nghị quyết đại hội cổ đông số 661/NQ-DMC ngày 25/4/2016.

Các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm phục vụ cho hoạt động của ngành như Barite, Bentonite, Xi măng G ... lượng hàng tồn kho lớn do không tiêu thụ được sản phẩm và phải tạm dừng sản xuất. Hầu hết các đơn vị thành viên đều ghi nhận kết quả sản xuất kinh doanh lỗ (trừ MIVN).

Đối với lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của DMC là dịch vụ dung dịch khoan và kinh doanh hoá chất cho hoạt động khoan, khai thác dầu khí cũng gặp nhiều khó khăn do các nhà thầu dầu khí tạm dừng hoặc giãn tiến độ; tổng số lượng giếng khoan thực hiện năm 2016 là 20 giếng/55 giếng kế hoạch, vì vậy đã ảnh hưởng rất lớn đến kết quả SXKD chung của toàn Tổng công ty.

Bên cạnh đó, các nhà thầu dầu khí gặp khó khăn về tài chính, dẫn đến chưa thanh toán các hợp đồng DMC đã cung cấp, vì vậy, nợ quá hạn lớn, DMC đã phải trích lập dự phòng dẫn tới ảnh hưởng đến hoạt động SXKD.

II. Hoạt động của HĐQT năm 2016

II.1. Đánh giá chung hoạt động của HĐQT

HĐQT Tổng công ty gồm 5 thành viên, trong đó có 1 thành viên kiêm Tổng giám đốc còn lại các thành viên đều làm việc theo chế độ chuyên trách nên việc tập trung giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền tương đối nhanh chóng, kịp thời. Việc quản lý, chỉ đạo các hoạt động SXKD, các nhiệm vụ trong năm được thực hiện tuân thủ theo đúng quy định của Pháp luật, quy chế, quy định của Tập đoàn và DMC.

HĐQT Tổng công ty hoạt động theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số, các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT đều được thảo luận trực tiếp tại các phiên họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản; Các quyết định của HĐQT chỉ được ban hành và có hiệu lực khi có đa số (trên 50%) thành viên HĐQT nhất trí thông qua.

Trong năm 2016, HĐQT đã tổ chức 4 phiên họp thường kỳ; tổ chức các cuộc họp đột xuất và lấy ý kiến bằng văn bản để xem xét, quyết định các vấn đề liên quan đến chiến lược, kế hoạch SXKD, cơ cấu tổ chức, nhân sự, đầu tư, tài chính kế toán và các quy chế, quy định nội bộ... Các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ, nghiêm túc và đóng góp ý kiến trên tinh thần xây dựng; trình tự, thủ tục và nội dung các cuộc họp/lấy ý kiến bằng văn bản đều được thực hiện theo đúng quy định.

HĐQT tham gia đầy đủ các cuộc họp giao ban tháng, giao ban quý, các cuộc họp chuyên đề do Tổng giám đốc tổ chức.

Định kỳ hàng quý HĐQT phối hợp với Ban kiểm soát Tổng công ty thông qua

2

các đợt kiểm tra định kỳ để kiểm tra giám sát hoạt động tại Công ty Mẹ và các đơn vị thành viên, qua đó chỉ ra những tồn tại, hạn chế tại đơn vị và đưa ra các biện pháp khắc phục.

Năm 2016, HĐQT tiếp tục chỉ đạo Người đại diện của DMC triển khai thực hiện kế hoạch SXKD và quản lý phần vốn góp tại các đơn vị thành viên.

Một số hoạt động cụ thể của HĐQT năm 2016:

1. Ban hành mới, sửa đổi, bổ sung các Quy chế, Quy định quản lý nội bộ

HĐQT chỉ đạo việc rà soát, sửa đổi, bổ sung và tiếp tục hoàn thiện quy chế quy định quản lý nội bộ làm cơ sở cho việc quản trị của Tổng công ty. Trong năm HĐQT đã phê duyệt được 03 Quy chế:

- Quy chế Xây dựng kế hoạch - Giao kế hoạch - Kiểm soát thực hiện kế hoạch và đánh giá hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của DMC.
- Quy chế tiền lương, tiền thưởng của Công ty Mẹ.
- Quy chế tổ chức và hoạt động của Chi nhánh DMC-RT.
- Quy chế tiền lương tiền thưởng của Chi nhánh DMC-WS.

Và đang xem xét các Quy chế: Quy chế quản lý Người giữ chức danh lãnh đạo, quản lý DMC; Quy chế tiền lương, tiền thưởng và chế độ chính sách đối với Người đại diện của DMC tại các đơn vị; Quy chế quản lý tài chính Công ty Mẹ.

2. Công tác Tái cấu trúc Tổng công ty

Đã tiến hành tổng kết, đánh giá và tiếp tục chỉ đạo thực hiện tái cấu trúc giai đoạn 2012-2015, xây dựng tái cấu trúc giai đoạn 2016-2020, gồm:

- Tại công ty Mẹ
 - + Phê duyệt cơ cấu tổ chức tại Công ty Mẹ (gồm 5 Ban/Văn phòng). Chỉ đạo xây dựng phương án sáp nhập Ban Kinh doanh vào Chi nhánh thành phố HCM.
 - + Phê duyệt định biên lao động Công ty Mẹ và chỉ đạo Tổng giám đốc tiếp tục thực hiện việc sắp xếp lại lao động và cơ cấu tổ chức Ban/VP phù hợp với tình hình hoạt động của Tổng công ty.
 - + Đã ban hành Nghị quyết phê duyệt chế độ chính sách đối với cán bộ công nhân viên trong quá trình triển khai Tái cấu trúc.
- Tại các đơn vị thành viên:
 - + Đã chuyển đổi Công ty TNHH một thành viên DMC-WS thành Chi nhánh.
 - + Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC-Miền Bắc: chỉ tiếp tục xây dựng

100
ÔNG C
NG D
VÀ H
DÀ
G
TU GI

- phương án thoái vốn của DMC tại DMC-MB;
- + Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC-Miền Trung: chỉ đạo tiếp tục xây dựng phương án thoái vốn tại DMC –MT theo hướng không chuyển giao dịch vụ làm sạch cho DMC-MT.
 - + Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC-Miền Nam: chỉ đạo việc triển khai thực hiện hợp đồng chuyển nhượng cổ phần với Công ty Phú Thịnh. Đã chuyển nhượng 37,71% cổ phần của DMC tại DMC-Miền Nam cho Phú Thịnh, hiện tại DMC còn nắm giữ 51% vốn điều lệ của DMC - Miền Nam.
 - + Công ty TNHH DMC-VTS
 - o Chỉ đạo xây dựng phương án thoái toàn bộ vốn của DMC tại DMC-VTS.
 - o Chỉ đạo tăng cường nhân sự quản lý, điều hành Nhà máy để nâng cao hiệu quả hoạt động của Dự án.

3. Về công tác xây dựng kế hoạch:

- Chỉ đạo xây dựng và hoàn thiện Kế hoạch 2017 của Tổng công ty.
- Xây dựng và hoàn thiện kế hoạch 5 năm 2016-2020; chiến lược phát triển đến năm 2025 định hướng đến năm 2035 trình Tập đoàn phê duyệt.
- Xây dựng quỹ lương 2016 của Công ty Mẹ trình Tập đoàn, giao quỹ lương 2016 cho các đơn vị thành viên.
- Xây dựng kế hoạch đào tạo DMC năm 2017.

4. Công tác đầu tư và thanh quyết toán dự án hoàn thành:

- Năm 2016, HĐQT đã chỉ đạo thực hiện đầu tư mua sắm các trang thiết bị thiết yếu phục vụ cho hoạt động SXKD của đơn vị. Đồng thời chỉ đạo tập trung công tác nghiên cứu, tìm kiếm cơ hội đầu tư gắn liền với các hoạt động trong ngành như Dự án sản xuất CA/EDC/VCM; Dự án sản xuất xúc tác dầu khí...
- Chỉ đạo thực hiện quyết toán dự án hoàn thành: Dự án thiết bị làm sạch và Dự án khai thác chế biến Barite tại Lào.

5. Về công tác quy hoạch cán bộ/bổ nhiệm lại cán bộ:

- Đã thống nhất danh sách bổ sung quy hoạch cán bộ đối với các chức danh quản lý của Tập đoàn tại DMC giai đoạn 2016-2020 trình Tập đoàn và chỉ đạo xây dựng quy hoạch cán bộ giai đoạn 2020-2025.
- Đã hoàn thiện hồ sơ bổ nhiệm lại/kéo dài thời gian giữ chức vụ các chức danh quản lý của Tập đoàn tại DMC trình Tập đoàn.

- Chỉ đạo rà soát bổ nhiệm lại đối với các Trưởng/Phó Ban VP công ty Mẹ và lãnh đạo các Chi nhánh, đơn vị thành viên.
- Hoàn thành giới thiệu nhân sự nhiệm kỳ 2 (2016-2020) của DMC tham gia HĐQT, BKS các đơn vị thành viên.
- Chấp thuận nhân sự giữ chức Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Tổ chức và Phát triển Nguồn Nhân lực, Trưởng Ban Kế hoạch - Đầu tư Công ty Mẹ;
- Chấp thuận nhân sự của DMC tham gia HĐQT, BKS DMC-Miền Nam sau khi Phú Thịnh hoàn thành việc thanh toán hợp đồng chuyển nhượng.

6. Công việc khác:

- Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2016.
- Chỉ đạo tăng cường công tác thu hồi công nợ và xử lý hàng tồn kho.
- Chỉ đạo tăng cường giám sát công tác tài chính và hoạt động của các đơn vị.

Một số tồn tại trong năm 2016: Chỉ đạo một số công tác còn chậm như: thoái vốn của DMC tại 3 công ty cổ phần DMC-Miền Bắc, DMC-Miền Nam, DMC-Miền Trung; sửa đổi, ban hành các quy chế quản lý nội bộ; thanh quyết toán dự án hoàn thành.

II.2. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng thành viên HĐQT

- Ông Nguyễn Ngọc Khánh, Chủ tịch HĐQT: hoàn thành nhiệm vụ được giao
- Ông Tôn Anh Thi, thành viên HĐQT kiêm TGD: hoàn thành nhiệm vụ được giao
- Ông Hà Duy Tân, thành viên HĐQT: hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao
- Ông Đỗ Xuân Vịnh, thành viên HĐQT: hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao
- Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh, thành viên HĐQT: hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao

III. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ DMC và các quy chế quản lý nội bộ, năm 2016, HĐQT tiếp tục giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách Nhà nước và các quy định liên quan trong quá trình điều hành hoạt động SXKD cũng như thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của HĐQT DMC.

Tổng giám đốc triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng Quản trị và tuân thủ Điều lệ Tổng công ty, các quy chế quản lý nội bộ cũng như các quy định của pháp luật.

R

Trong năm 2016, hoạt động của DMC gặp nhiều khó khăn do giá dầu vẫn giữ ở mức thấp, mặc dù Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác đã có nhiều cố gắng trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, tuy nhiên, hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch hợp nhất đều không hoàn thành. Hoạt động SXKD của Công ty Mẹ chưa hiệu quả, các đơn vị thành viên (trừ MIVN) đều không có lợi nhuận, đặc biệt DMC Miền Nam ghi nhận lỗ -11 tỷ.

Việc khai thác hệ thống cơ sở vật chất đã đầu tư như kho tại Dung Quất, thiết bị làm sạch, Nhà máy hóa phẩm Dầu khí tại Cái Mép hiệu quả chưa cao.

Việc thay đổi cơ cấu tổ chức, định biên lao động theo Nghị quyết của HĐQT còn chậm. Công tác đào tạo và phát triển nhân lực đã được chú trọng nhưng hiệu quả chưa cao; việc lập kế hoạch, triển khai thực hiện chưa sát với thực tế dẫn đến chênh lệch giữa thực hiện và kế hoạch đề ra, công tác thanh quyết toán đào tạo còn chậm.

Phần 2: Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2017

Kinh tế Việt Nam 2017 được dự báo vẫn có mức tăng trưởng dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Dự báo giá dầu tiếp tục giảm và chưa thể phục hồi, vì vậy 2017 là năm thực sự khó khăn và thách thức đối với Tổng công ty DMC. Nhận thức được điều này, HĐQT đã chỉ đạo rà soát các yếu tố tác động, ảnh hưởng trong quá trình xây dựng kế hoạch năm 2017.

Một số nhiệm vụ chính trong kế hoạch năm 2017 như sau:

1. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

- Tổng doanh thu: 2 660 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 25 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 17,8 tỷ đồng
- Nộp ngân sách Nhà nước: 116,3 tỷ đồng

2. Công tác quản lý

- Hoàn thiện và nâng cao phương thức hoạt động của HĐQT phù hợp với tình hình mới, trong bối cảnh hoạt động SXKD năm 2017 dự báo tiếp tục khó khăn để kịp thời có những chủ trương, định hướng và quyết sách phù hợp, nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy điều hành.
- Tăng cường công tác quản lý kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và các đơn vị thành viên, nhất là đối với các đơn vị hiệu quả kinh doanh thấp.
- Tiếp tục chỉ đạo rà soát bổ sung, sửa đổi các quy chế quản lý trong Tổng công ty, phù hợp với tình hình thực tế, trong đó trọng tâm là cơ chế chính sách đánh giá cán bộ, cơ chế tiền lương.

- Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, triển khai các giải pháp tiết giảm chi phí trong sản xuất kinh doanh một cách hợp lý nhất để nâng cao hiệu quả hoạt động.

3. Về tái cấu trúc:

- Tại công ty Mẹ:
 - + Chỉ đạo hoàn thiện cơ cấu tổ chức các Ban/Văn phòng Công ty Mẹ và các Chi nhánh (sáp nhập Ban kinh doanh vào Chi nhánh thành phố HCM).
 - + Chỉ đạo thực hiện định biên sắp xếp lao động Công ty Mẹ và các Chi nhánh năm 2017 theo phương án đã được phê duyệt.
- Tại các đơn vị thành viên: Chỉ đạo xây dựng công tác thoái vốn của DMC tại các đơn vị thành viên (DMC-MB, DMC-MT, DMC-VTS).

4. Công tác đầu tư:

- Chỉ đạo, hỗ trợ đơn vị thành viên trong quản lý và tổ chức sản xuất tại Nhà máy Barite tại Lào và NM Hóa phẩm Dầu khí tại Cái Mép.
- Chỉ đạo Quyết toán Dự án khai thác và chế biến Barite tại Lào, Dự án thiết bị làm sạch.
- Chỉ đạo tiếp tục nghiên cứu các dự án đầu tư:
 - + Dự án đầu tư căn cứ dịch vụ hoá chất tại Hà Tĩnh
 - + Dự án đầu tư xây dựng căn cứ dịch vụ tại Nghi Sơn.
 - + Chỉ đạo nghiên cứu, đánh giá tính khả thi của việc đầu tư góp vốn vào các Công ty CP để triển khai dự án Nhà máy hoá chất xúc tác dầu khí tại Quảng Ngãi và Công ty CP triển khai dự án sản xuất CA/EDC/VCM tại Long Sơn.
 - + Chỉ đạo triển khai công tác mua sắm thiết bị, tài sản cố định phục vụ hoạt động SXKD cho Tổng công ty.

5. Các nhiệm vụ khác

- Chỉ đạo tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2017.
- Tiếp tục phối hợp với Ban Kiểm soát Tổng công ty để kiểm tra, giám sát các hoạt động của Tổng công ty theo kế hoạch, phù hợp với Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV. HĐQT;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu VT, TK.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TỔNG CÔNG TY
DUNG DỊCH KHOAN
VÀ HÓA PHẨM
DẦU KHÍ
CT CP

Nguyễn Ngọc Khánh

(Handwritten mark)

Deloitte.

**TỔNG CÔNG TY DUNG DỊCH KHOAN VÀ
HÓA PHẨM DẦU KHÍ - CTCP**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tổng Công ty Dịch vụ Khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Chủ tịch
Ông Tôn Anh Thi	Ủy viên
Ông Đỗ Xuân Vịnh	Ủy viên
Ông Hà Duy Tân	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Tôn Anh Thi	Tổng Giám đốc
Ông Lê Hải Phong	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Xuân Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lưu Quốc Phương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Vũ Hoàng Hoa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Khuất Quang Tiến	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong các báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

U L A O
Đ C
K O N H
Đ E I
V I T E
H O C

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, 



Tôn Anh Thi
Tổng Giám đốc

Ngày 08 tháng 3 năm 2017

Số: 548 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 08 tháng 3 năm 2017, từ trang 05 đến trang 35 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

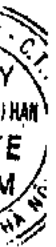
Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0042-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 08 tháng 3 năm 2017
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Bùi Thị Thu Hương
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1688-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.318.561.102.455	987.048.662.509
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	157.284.210.670	273.216.316.855
1. Tiền	111		57.698.099.559	54.616.765.189
2. Các khoản tương đương tiền	112		99.586.111.111	218.599.551.666
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		901.126.360.559	524.548.075.224
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	891.660.777.874	437.495.651.896
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		35.905.756.011	83.992.557.406
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	8.337.100.642	14.148.033.720
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(34.777.273.968)	(11.088.167.798)
III. Hàng tồn kho	140	10	240.886.755.451	172.547.027.123
1. Hàng tồn kho	141		241.013.169.344	186.419.713.476
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(126.413.893)	(13.872.686.353)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		19.263.775.775	16.737.243.307
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.265.233.718	3.258.412.644
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		15.830.724.017	13.233.596.911
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	167.818.040	245.233.752
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		359.766.496.894	372.935.717.191
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		209.177.230	25.532.100
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	209.177.230	25.532.100
II. Tài sản cố định	220		255.257.764.641	149.369.606.053
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	230.114.141.107	127.012.571.650
- Nguyên giá	222		303.454.703.998	176.028.697.423
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(73.340.562.891)	(49.016.125.773)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	25.143.623.534	22.357.034.403
- Nguyên giá	228		28.961.771.492	24.956.827.519
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.818.147.958)	(2.599.793.116)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	14.547.446.573
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	14.547.446.573
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	102.896.000.496	205.281.239.869
1. Đầu tư vào công ty con	251		124.525.300.006	199.608.300.006
2. Đầu tư vào công ty liên doanh	252	14	12.769.655.880	12.769.655.880
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6	(34.398.955.390)	(7.096.716.017)
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.403.554.527	3.711.892.596
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.403.554.527	3.711.892.596
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.678.327.599.349	1.359.984.379.700

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		956.246.406.848	545.566.915.675
I. Nợ ngắn hạn	310		932.236.425.439	503.465.600.637
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	361.195.106.114	172.871.342.808
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		24.194.564.742	3.952.991.361
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	3.742.590.483	1.112.187.560
4. Phải trả người lao động	314		6.756.726.161	6.667.504.696
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		9.908.311.385	12.816.676.118
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	6.847.769.172	3.209.498.490
7. Vay ngắn hạn	320	17	500.236.068.351	287.471.662.347
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		19.355.289.031	15.363.737.257
II. Nợ dài hạn	330		24.009.981.409	42.101.315.038
1. Vay dài hạn	338	18	8.483.767.901	26.470.517.613
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	19	300.725.953	-
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		15.225.487.555	15.630.797.425
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		722.081.192.501	814.417.464.025
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	721.231.594.472	812.696.570.996
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		500.000.000.000	500.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		18.965.245.000	18.965.245.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		96.507.870.088	96.507.870.088
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		105.758.479.384	197.223.455.908
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		100.044.686.285	56.454.321.985
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		5.713.793.099	140.769.133.923
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		849.598.029	1.720.893.029
1. Nguồn kinh phí	431		849.598.029	1.720.893.029
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400) 440			1.678.327.599.249	1.359.984.379.700

Chah

Ngoc



Hoàng Tiến Thành
 Người lập biểu

Bùi Tuấn Ngọc
 Kế toán trưởng

Tôn Anh Thi
 Tổng Giám đốc

Ngày 08 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Nhã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	2.092.820.208.698	1.728.359.117.085
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	-	1.960.626.570
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		2.092.820.208.698	1.726.398.490.515
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		1.981.698.696.730	1.607.887.906.487
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		111.121.511.968	118.510.584.028
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	105.462.662.950	176.644.162.186
7. Chi phí tài chính	22	25	64.266.777.221	26.770.318.728
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		19.416.709.781	13.306.226.858
8. Chi phí bán hàng	25	26	60.907.670.190	69.495.244.571
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	83.272.478.314	66.685.110.732
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		8.137.249.193	132.204.072.183
11. Thu nhập khác	31		10.304.745.863	22.569.281.402
12. Chi phí khác	32		12.728.201.957	14.004.219.662
13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(2.423.456.094)	8.565.061.740
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		5.713.793.099	140.769.133.923
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		5.713.793.099	140.769.133.923

Hoàng Tiến Thành
Người lập biểu

Bùi Tuấn Ngọc
Kế toán trưởng



Tôn Anh Thi
Tổng Giám đốc

Ngày 08 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.713.793.099	140.769.133.923
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	25.432.376.137	13.137.339.024
Các khoản dự phòng	03	37.545.799.036	(156.383.548)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.369.975.077	1.246.395.512
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(90.019.094.977)	(174.310.787.336)
Chi phí lãi vay	06	19.416.709.781	13.306.226.858
3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(540.441.847)	(6.008.075.567)
Thay đổi các khoản phải thu	09	(311.727.243.859)	207.423.722.620
Thay đổi hàng tồn kho	10	50.553.468.688	45.136.810.319
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	43.455.795.390	(110.377.353.392)
Thay đổi chi phí trả trước	12	758.278.483	11.540.788.687
Tiền lãi vay đã trả	14	(17.829.056.014)	(14.639.003.774)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(497.008.965)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.157.705.000	1.928.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(28.032.761.877)	(24.341.392.683)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(262.701.265.001)	110.663.496.210
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(6.418.667.695)	(6.457.695.205)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	600.000.000	-
3. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	18.792.363.013	-
4. Thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	67.026.603.120	11.094.202.501
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	80.000.298.438	4.636.507.296
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.286.565.281.241	1.129.651.188.499
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.149.836.650.133)	(1.185.421.056.606)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(69.959.770.730)	(59.984.700.340)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	66.768.860.378	(115.754.568.447)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(115.932.106.185)	(454.564.941)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	273.270.081.855	273.670.881.796
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	157.337.975.670	273.216.316.855

Hoàng Tiến Thành

Bùi Tuấn Ngọc



Hoàng Tiến Thành
Người lập biểu

Bùi Tuấn Ngọc
Kế toán trưởng

Tôn Anh Thi
Tổng Giám đốc

Ngày 08 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hoá phẩm Dầu khí - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí, được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 1544/QĐ-TCCB ngày 28 tháng 4 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí, là doanh nghiệp Nhà nước, đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103009579 ngày 18 tháng 10 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được niêm yết và giao dịch trên sàn Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là PVC.

Tổng Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 27 tháng 01 năm 2015 đối với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103009579 ngày 18 tháng 10 năm 2005 với vốn điều lệ là 500.000.000.000 VND, tương đương 50.000.000 cổ phần.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 263 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 218 người).

Hoạt động kinh doanh

- Nghiên cứu chuyển giao công nghệ, cung cấp dịch vụ dung dịch khoan, dịch vụ hoàn thiện và sửa chữa giếng khoan dầu khí, xử lý vùng cận đáy giếng, tăng cường thu hồi dầu và các dịch vụ kỹ thuật dầu khí khác;
- Thu gom, xử lý, tái chế các loại phế liệu và chất thải ngành dầu khí;
- Xử lý môi trường và chuyển giao công nghệ xử lý môi trường;
- Kinh doanh các hóa chất (trừ loại Nhà nước cấm), hóa phẩm, nguyên vật liệu và các thiết bị phục vụ tìm kiếm, thăm dò, khai thác, vận chuyển, tồn chứa, chế biến dầu khí và các ngành kinh tế;
- Xuất nhập khẩu hóa chất (trừ loại Nhà nước cấm), hóa phẩm, thiết bị, nguyên liệu, vật tư phục vụ cho ngành công nghiệp dầu khí, phục vụ xử lý, chống ô nhiễm môi trường và các ngành công nghiệp khác;
- Kinh doanh vật liệu phục vụ các ngành công nghiệp;
- Kinh doanh khí đốt và các sản phẩm từ khí đốt, nhiên liệu sinh học;
- Kinh doanh phụ gia cho dung dịch khoan.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

TỔNG CÔNG TY DUNG DỊCH KHOAN VÀ HÓA PHẨM DẦU KHÍ - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con/công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty con				
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Bắc	Hà Nội	84,71	84,71	Sản xuất và kinh doanh dung dịch khoan và hóa phẩm dầu khí
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Nam	Vũng Tàu	51,00	51,00	
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	Quảng Ngãi	75,42	75,42	
Công ty TNHH Dung dịch Khoan M-I Việt Nam	Vũng Tàu	51,00	51,00	Kinh doanh dung dịch khoan và cung cấp dịch vụ khoan
Công ty liên doanh				
Công ty TNHH Liên doanh DMC-VTS	Lào	38,61	38,61	Khai thác, chế biến và kinh doanh Barite

Tên chi nhánh	Mối quan hệ
Chi nhánh Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí tại Hà Nội	Đơn vị phụ thuộc
Chi nhánh Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí tại Thành phố Hồ Chí Minh	Đơn vị phụ thuộc
Chi nhánh Trung Tâm Nghiên cứu Ứng dụng và Dịch vụ Kỹ thuật	Đơn vị phụ thuộc
Chi nhánh Tổng Công ty DMC - Công ty Dung dịch Khoan và Dịch vụ Giếng khoan (i)	Đơn vị phụ thuộc

(i) Chi nhánh Tổng Công ty DMC - Công ty Dung dịch Khoan và Dịch vụ Giếng khoan được hình thành trên cơ sở giải thể Công ty TNHH MTV Dung dịch Khoan và Dịch vụ Giếng khoan theo Quyết định số 2588/QĐ-DMC ngày 28 tháng 12 năm 2015. Tại ngày 01 tháng 01 năm 2016, Tổng Công ty đã nhận bàn giao nguyên trạng theo số liệu trên báo cáo tài chính của công ty con tại thời điểm giải thể, đồng thời nhận kế thừa toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan đến công ty con này.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng này nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 để thu thập các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tổng Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm nay (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 12
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Phương tiện vận tải	6 - 8
Khác	5 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình phản ánh quyền sử dụng đất, phần mềm chuyển đổi đơn vị đo lường quốc tế và phần mềm kế toán (gọi chung là "phần mềm máy tính"). Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 - 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty có khoản chênh lệch tạm thời tuy nhiên Ban Giám đốc Tổng Công ty đánh giá khả năng thu hồi không chắc chắn; do đó, không có khoản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
Tiền mặt	1.198.425.780	3.542.905.607
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	56.499.673.779	51.073.859.582
Các khoản tương đương tiền (ii)	99.586.111.111	218.599.551.666
	<u>157.284.210.670</u>	<u>273.216.316.855</u>

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư tiền gửi ngân hàng bao gồm số tiền 8.762.103.541 VND là các khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại dương đang bị hạn chế sử dụng, Ban Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ sử dụng được trong tương lai khi có những quyết định/hướng dẫn cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.
- (ii) Phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng với lãi suất từ 4,3% đến 5% tại các ngân hàng thương mại.

**TỔNG CÔNG TY DUNG DỊCH KHOAN VÀ HÓA PHẨM ĐẦU KHÍ - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Đầu tư vào công ty con:				
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Bắc	124.525.300.006	29.409.407.030	199.608.300.006	5.477.058.797
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Nam	33.245.000.000	19.282.100.000	33.245.000.000	-
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	20.400.000.000	8.222.442.302	35.483.000.000	4.545.337.478
Công ty TNHH MTV Dung dịch Khoan và Dịch vụ Giếng khoan (I)	7.542.000.000	1.904.864.728	7.542.000.000	931.721.319
Công ty TNHH Dung dịch Khoan M-I Việt Nam	-	-	60.000.000.000	-
Công ty TNHH Dung dịch Khoan M-I Việt Nam	63.338.300.006	-	63.338.300.006	-
Đầu tư vào công ty liên doanh:				
Công ty TNHH Liên doanh DMC-VTS	12.769.655.880	4.989.548.360	12.769.655.880	1.619.657.220
	12.769.655.880	4.989.548.360	12.769.655.880	1.619.657.220
	137.294.955.886	34.398.955.390	212.377.955.886	7.096.716.017

(I) Theo Quyết định giải thể số 2588/QĐ-DMC ngày 28 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty đã thực hiện chuyển đổi Công ty TNHH MTV Dung dịch Khoan và Dịch vụ Giếng Khoan (Công ty con của Tổng Công ty) thành chi nhánh hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty từ ngày 01 tháng 01 năm 2016. Theo đó, Tổng Công ty đã nhận bàn giao nguyên trạng theo số liệu trên báo cáo tài chính của công ty con tại thời điểm giải thể, đồng thời nhận kế thừa toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan đến công ty con này.

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

Tình hình hoạt động của các Công ty con, Công ty liên doanh trong năm

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Nam, Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung và Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Bắc có kết quả hoạt động kinh doanh bị lỗ, Công ty TNHH Dung dịch Khoan M-I Việt Nam có lợi nhuận trong năm.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Liên doanh DMC-VTS (công ty liên doanh của Tổng Công ty) bị lỗ trong năm.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và công ty con, liên doanh trong năm được trình bày tại Thuyết minh số 29 - Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Nhựa OPEC	565.075.278.733	187.051.197.082
Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro	126.791.524.867	26.827.099.238
Công ty TNHH Dung dịch Khoan M-I Việt Nam	53.427.634.650	38.913.877.845
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	7.838.992.114	25.492.347.872
Các khách hàng khác	138.527.347.510	159.211.129.859
	891.660.777.874	437.495.651.896
b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan (được trình bày tại Thuyết minh số 29)		
	96.825.145.625	112.839.483.183

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu người lao động	2.079.489.534	885.847.646
Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí (Petrowaco)	1.911.373.000	1.996.800.000
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Bao bì nhựa	1.738.445.215	-
Công ty Cổ phần Gang thép Thanh Hóa	1.433.519.972	1.433.519.972
Ký cược, ký quỹ	70.606.600	218.639.010
Công ty TNHH MTV Lọc hoá dầu Bình Sơn (BSR)	-	7.199.636.364
Phải thu khác	1.103.666.321	2.413.590.728
	8.337.100.642	14.148.033.720
b. Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan (được trình bày tại Thuyết minh số 29)		
	926.137.340	7.816.193.704
c. Dài hạn		
- Ký cược, ký quỹ	194.031.775	25.532.100
- Phải thu khác	15.145.455	-
	209.177.230	25.532.100

**TỔNG CÔNG TY DUNG DỊCH KHOAN VÀ HÓA PHẨM ĐẦU KHÍ - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

9. NỢ XẤU

Đối tượng	Số cuối năm		Số đầu năm		Thời gian quá hạn
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi (i) VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi (i) VND	
Phải thu khó có khả năng thu hồi	118.828.755.206	84.051.481.238	35.527.413.170	24.439.245.372	
Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro	32.689.055.677	32.689.055.677	-	-	Chưa quá hạn
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (Lô 102/10, 106/10)	26.111.502.210	18.278.051.547	-	-	Chưa quá hạn
Công ty TNHH Liên doanh DMC - VTS	70.186.174	70.186.174	-	-	Chưa quá hạn
Công ty TNHH Liên doanh DMC - VTS	13.374.713.948	9.362.299.764	-	-	Chưa quá hạn
Công ty TNHH Liên doanh DMC - VTS	6.138.858.288	3.069.429.144	-	-	Chưa quá hạn
Công ty TNHH MTV Điều hành thăm dò khai thác dầu khí trong nước (Lô 09-2/09)	2.120.173.483	2.120.173.483	-	-	Chưa quá hạn
Công ty TNHH MTV Điều hành thăm dò khai thác dầu khí trong nước (Lô 09-2/09)	2.021.357.960	1.414.950.572	-	-	Chưa quá hạn
Công ty TNHH MTV Điều hành thăm dò khai thác dầu khí trong nước (Lô 09-2/09)	10.737.731.622	5.368.865.811	10.737.731.622	10.737.731.622	dưới 6 tháng
Công ty Cổ phần Dầu tư Phát triển Khang Minh	533.195.764	266.597.882	533.195.764	533.195.764	dưới 6 tháng
Công ty Cổ phần Dầu tư Phát triển Khang Minh	2.179.576.895	1.089.788.448	2.179.576.895	1.525.703.827	từ 6 tháng đến 1 năm
Công ty Cổ phần Dầu tư Phát triển Khang Minh	1.044.018.951	313.205.685	1.044.018.951	313.205.685	từ 2 đến 3 năm
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	2.737.079.920	-	2.737.079.920	-	trên 3 năm
Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí	1.872.000.000	-	1.872.000.000	-	trên 3 năm
Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí	124.800.000	-	124.800.000	87.360.000	từ 2 đến 3 năm
Công ty Cổ phần Gang thép Thanh Hóa	2.305.189.086	-	1.433.519.972	-	trên 3 năm
Các đối tượng khác	14.769.315.228	10.008.877.051	14.865.490.046	11.242.048.474	

(i) Giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập.

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	1.446.195.360	-	971.034.570	-
Nguyên liệu, vật liệu	928.681.512	-	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (i)	69.414.968.755	-	38.274.278.866	-
Hàng hoá (ii)	146.463.279.095	(126.413.893)	136.356.180.589	(13.872.686.353)
Hàng gửi bán (iii)	22.760.044.622	-	10.818.219.451	-
Cộng	241.013.169.344	(126.413.893)	186.419.713.476	(13.872.686.353)

- (i) Số dư chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm phần chi phí đã phát sinh tương ứng với doanh thu vượt giá trị Hợp đồng số CNT-6495-SCA-3 ngày 30 tháng 10 năm 2014 ký với Liên doanh nhà thầu JGCS về thi công lắp đặt giàn giáo Nghi Sơn với giá trị là 13.194.865.784 VND. Tổng Công ty đang trong quá trình đàm phán đơn giá phần vượt hợp đồng với chủ đầu tư nên Ban Giám đốc Tổng Công ty quyết định chưa ghi nhận doanh thu phần vượt này trong năm và ghi nhận toàn bộ chi phí đã phát sinh tương ứng trên khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016. Ban Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng chắc chắn rằng giá trị phần vượt hợp đồng sẽ được chủ đầu tư phê duyệt cao hơn số chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.
- (ii) Hàng hóa tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 chủ yếu bao gồm muối KCl, quặng Barit và hóa phẩm dung dịch khoan. Trong năm, Tổng Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 13.746.272.460 VND (năm 2015: trích lập thêm 397.710.793 VND) do Tổng Công ty đã tiêu thụ số hàng hóa tồn kho liên quan trong năm.
- (iii) Hàng gửi bán phản ánh giá trị nguyên vật liệu, hàng hóa Tổng Công ty đã xuất ra các giàn khoan của khách hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty đã xuất một số lô hàng hóa cho khách hàng sử dụng ngoài giàn khoan để thực hiện công tác khoan tại một Lô Hợp đồng dầu khí với giá trị là 6.268.207.328 VND. Đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đang đàm phán với khách hàng một số điều khoản liên quan đến giao dịch nêu trên để chính thức ký hợp đồng. Ban Giám đốc Tổng Công ty khẳng định số hàng hóa này hiện hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, thuộc sở hữu của Tổng Công ty và giá bán của hàng hóa chắc chắn lớn hơn giá vốn của lô hàng này.

TỔNG CÔNG TY DUNG DỊCH KHOAN VÀ HÓA PHẨM DẦU KHÍ - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

11. TÁNG, GIÁM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị vấn phòng VND	Khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	106.066.785.984	43.090.548.979	23.327.313.987	3.307.468.473	236.580.000	176.028.697.423
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	80.613.245.257	-	-	-	80.613.245.257
Mua sắm mới	-	3.839.075.600	2.230.318.182	77.715.000	-	6.147.108.782
Nhận bản giao từ công ty con	72.729.950	11.745.533.068	1.045.947.667	82.219.885	28.842.449.239	41.788.879.809
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.123.227.273)	-	-	(1.123.227.273)
Số dư cuối năm	106.139.515.934	139.288.402.904	25.480.352.563	3.467.403.358	29.079.029.239	303.454.703.998

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Số dư đầu năm	25.714.660.281	10.339.759.546	10.033.040.445	2.834.123.821	94.541.680	49.016.125.773
Trích khấu hao trong năm	6.093.888.504	13.156.588.361	2.722.385.233	314.051.120	2.195.304.424	24.482.217.642
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(157.780.524)	-	-	(157.780.524)
Số dư cuối năm	31.808.548.785	23.496.347.907	12.597.645.154	3.148.174.941	2.289.846.104	73.340.562.891

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày đầu năm	80.352.125.703	32.750.789.433	13.294.273.542	473.344.652	142.038.320	127.012.571.650
Tại ngày cuối năm	74.330.967.149	115.792.054.997	12.882.707.409	319.228.417	26.789.183.135	230.114.141.107

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 8.137.999.439 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 4.407.511.922 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 18, Tổng Công ty đã thế chấp các tài sản cố định thuộc Dự án Nhà máy Hóa phẩm Dầu khí tại Cái Mép với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 95.833.566.668 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 103.312.551.152 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình.

Như trình bày tại Thuyết minh số 18, Tổng Công ty đã thế chấp các tài sản cố định thuộc Dự án "Cần cứ cung ứng dịch vụ DMC tại Cảng Vietsov Petro" với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 26.665.660.615 VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu.

TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ KHOAN VÀ HÓA PHẨM DẦU KHÍ - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

12. TĂNG/GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng	Phần mềm	Tổng cộng
	đất	máy tính	
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	24.657.551.024	299.276.495	24.956.827.519
Mua sắm mới	-	103.200.000	103.200.000
Nhận bàn giao từ công ty con	-	968.548.387	968.548.387
Tăng khác	2.933.195.586	-	2.933.195.586
Số dư cuối năm	27.590.746.610	1.371.024.882	28.961.771.492
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	2.318.512.454	281.280.662	2.599.793.116
Trích khấu hao trong năm	624.868.212	325.290.283	950.158.495
Tăng khác	268.196.347	-	268.196.347
Số dư cuối năm	3.211.577.013	606.570.945	3.818.147.958
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	22.339.038.570	17.995.833	22.357.034.403
Tại ngày cuối năm	24.379.169.597	764.453.937	25.143.623.534

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 267.776.495 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 267.776.495 VND).

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Phát sinh trong năm		Số cuối năm
		Số phải nộp/thu	Số đã thực	
		VND	VND	
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	77.415.712	77.415.712	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	167.818.040	-	-	167.818.040
Cộng	245.233.752	77.415.712	-	167.818.040
b) Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	-	75.128.236.224	72.949.325.211	2.178.911.013
- Thuế GTGT đầu ra	-	5.939.077.234	3.760.166.221	2.178.911.013
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	69.189.158.990	69.189.158.990	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	2.726.287.568	2.726.287.568	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	497.008.965	497.008.965	-
Các loại thuế khác	1.112.187.560	5.518.277.501	5.066.785.591	1.563.679.470
Thuế môn bài	-	7.000.000	7.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.017.640.256	5.110.354.444	4.666.785.960	1.461.208.740
Thuế khác	94.547.304	400.923.057	392.999.631	102.470.730
Cộng	1.112.187.560	83.869.810.258	81.239.407.335	3.742.590.483

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH

Đầu tư vào công ty liên doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 phản ánh giá trị vốn đã góp vào Công ty Liên doanh DMC-VTS theo Hợp đồng liên doanh số 02/HĐLD/DMC-VTS ngày 12 tháng 12 năm 2009, thời gian liên doanh là 15 năm. Công ty liên doanh được thành lập tại Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào trên cơ sở đồng kiểm soát giữa phía Việt Nam bao gồm Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP và Công ty Cổ phần Than Đông Bắc hiện nay là Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình, do Tổng Công ty làm đại diện; và Công ty VTS Group. Trong đó, Tổng Công ty nắm giữ 38,61% vốn góp (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 38,61% vốn góp).

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn		
Phải trả liên quan đến mua hàng của VINOMIG SINGAPORE PTE, LTD (*)	116.381.806.950	-
Công ty TNHH Dung dịch Khoan M-I Việt Nam	87.404.151.628	-
Công ty TNHH MTV Lọc hoá dầu Bình Sơn (BSR)	47.584.088.747	105.132.150.241
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học và Công nghệ Việt Nhật	31.306.008.278	-
Công ty TNHH Boilermaster Việt Nam	21.673.896.245	25.732.811.772
Các đối tượng khác	56.845.154.266	42.006.380.795
	361.195.106.114	172.871.342.808
Phải trả người bán là các bên liên quan (được trình bày tại Thuyết minh số 29)	151.378.115.136	119.345.619.756

(*) Các khoản phải trả liên quan đến các hợp đồng mua hạt nhựa PP của Vinomig Singapore Pte, Ltd. theo phương thức thanh toán Thư tín dụng trả chậm có thể thanh toán ngay (UPAS L/C - Usance payable at sight Letter of credit) thông qua Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam ("PVComBank"). Theo các hợp đồng này, Vinomig Singapore Pte, Ltd có thể được ngân hàng thanh toán ngay và Tổng Công ty có thể được thanh toán chậm với ngân hàng trong thời hạn là 06 tháng.

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn		
Cố tức, lợi nhuận phải trả	1.346.943.847	1.306.714.577
Bảo hiểm xã hội	54.584.731	-
Kinh phí công đoàn	171.542.340	86.273.192
Bảo hiểm y tế	87.257.191	-
Bảo hiểm thất nghiệp	15.422.132	-
Các khoản khác	5.172.018.931	1.816.510.721
	6.847.769.172	3.209.498.490
Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan (được trình bày tại Thuyết minh số 29)	-	1.000.000.000

17. VAY NGẮN HẠN

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Số có khả năng		Tăng	Giảm	Số có khả năng	
	Giá trị VND	trả nợ VND			Giá trị VND	trả nợ VND
Vay ngắn hạn (*)	274.236.403.541	274.236.403.541	1.316.565.281.241	1.122.965.423.212	467.836.261.570	467.836.261.570
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 18)	13.235.258.806	13.235.258.806	38.329.095.949	19.164.547.974	32.399.806.781	32.399.806.781
Cộng	287.471.662.347	287.471.662.347	1.354.894.377.190	1.142.129.971.186	500.236.068.351	500.236.068.351

(*) Vay ngắn hạn bao gồm các khoản vay của các ngân hàng sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây (i)	170.757.064.019	148.323.906.348
Ngân hàng Citibank, N.A - Chi nhánh Hà Nội (ii)	131.478.535.695	5.072.100.490
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (iii)	120.428.427.838	-
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội (iv)	27.404.633.150	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch III (v)	17.767.600.868	2.671.550.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	-	49.471.924.604
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	-	51.910.686.000
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	-	16.786.236.099
	467.836.261.570	274.236.403.541

- (i) Vay ngắn hạn không đảm bảo từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 44/CTD/16/KHDN/VCBHT-DMC ngày 29 tháng 6 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 200 tỷ VND và thời hạn duy trì giới hạn tín dụng là 12 tháng. Thời hạn vay được ghi trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng kể từ ngày nhận nợ. Mục đích của khoản vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Lãi vay được trả từ ngày 26 hàng tháng đến ngày cuối tháng.
- (ii) Vay ngắn hạn không đảm bảo từ Ngân hàng Citibank, N.A. - Chi nhánh Hà Nội theo Thư chào Tín dụng của Ngân hàng Citibank, N.A. - Chi nhánh Hà Nội ngày 31 tháng 8 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 10.000.000 USD và thời hạn duy trì giới hạn tín dụng là 12 tháng. Thời hạn vay được ghi trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng kể từ ngày nhận nợ. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.
- (iii) Vay ngắn hạn không đảm bảo từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 06-28.16.1/HĐTD/TPBANK ngày 11 tháng 7 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 150 tỷ VND và thời hạn duy trì giới hạn tín dụng là 12 tháng. Thời hạn vay được ghi trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng kể từ ngày nhận nợ. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.
- (iv) Vay ngắn hạn không đảm bảo từ Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội theo Thỏa thuận chung về tín dụng của Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội ngày 24 tháng 8 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 10.000.000 USD và thời hạn vay được ghi trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng kể từ ngày nhận nợ. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY DUNG DỊCH KHOAN VÀ HÓA PHẨM DẦU KHÍ - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

- (v) Vay ngắn hạn không đảm bảo từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch III theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/2436791/HĐTD ngày 18 tháng 7 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 100 tỷ VND và thời hạn duy trì giới hạn tín dụng là 12 tháng. Thời hạn vay được ghi trên từng giấy nhận nợ. Mục đích của khoản vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

18. VAY DÀI HẠN

Chi tiêu	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Số có khả năng				Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ	Tổng	Giảm	Giá trị	trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	39.705.776.419	39.705.776.419	20.342.346.237	19.164.547.974	40.883.574.682	40.883.574.682
Cộng	39.705.776.419	39.705.776.419	20.342.346.237	19.164.547.974	40.883.574.682	40.883.574.682
Trong đó:						
Số phải trả trong vòng 12 tháng	13.235.258.806					32.399.806.781
Số phải trả sau 12 tháng	26.470.517.613					8.483.767.901

Vay dài hạn bao gồm khoản vay tại các ngân hàng sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vay dài hạn		
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình (i)	-	26.470.517.613
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu (ii)	8.483.767.901	-
	8.483.767.901	26.470.517.613

- (i) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình theo Hợp đồng tín dụng số 02-2011/HĐTD ngày 27 tháng 10 năm 2011 với hạn mức tín dụng là 104 tỷ VND. Thời hạn khoản vay là 84 tháng, nợ gốc được ân hạn 12 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay được thay đổi 1 tháng/lần theo nguyên tắc lãi suất huy động tiết kiệm Việt Nam Đồng (trả lãi cuối kỳ) cộng (+) biên độ quy định cho từng thời kỳ (tại thời điểm ký là 4,5%/năm). Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Khoản vay được dùng để thanh toán chi phí Dự án Nhà máy Hóa phẩm Dầu khí tại Cái Mép. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản cố định hình thành từ dự án, số tiền gửi thường xuyên của Tổng Công ty tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình, quyền sử dụng đất thuê tại Khu công nghiệp Cái Mép. Tổng Công ty đã thanh toán trước hạn toàn bộ số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của khoản vay vào ngày 05 tháng 01 năm 2017.

- (ii) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu với hạn mức tín dụng 31.680.000.000 VND theo Hợp đồng tín dụng số 7053/2013-HDDTDDDDA/NHCT880-DMCWS ngày 14 tháng 11 năm 2013. Mục đích khoản vay dài hạn dùng để thanh toán cho dự án "Cần cứ cung ứng dịch vụ DMC tại Cảng Vietsov Petro". Lãi suất được tính bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 5%/năm và tần suất điều chỉnh 3 tháng/lần. Lãi suất được trả vào ngày 25 hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ KHOAN VÀ HÓA PHẨM DẦU KHÍ - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các khoản vay dài hạn được thanh toán theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	32.399.806.781	13.235.258.806
Trong năm thứ hai	5.929.289.168	13.235.258.806
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	2.554.478.733	13.235.258.807
Cộng	40.883.574.682	39.705.776.419
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	32.399.806.781	13.235.258.806
<i>(được trình bày ở phần vay ngắn hạn - Thuyết minh số 17)</i>		
Số phải trả sau 12 tháng	8.483.767.901	26.470.517.613

19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện số trích quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường bằng 5% lợi nhuận trước thuế trong năm theo Thông tư số 86/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 6 năm 2016.

TỔNG CÔNG TY DUNG DỊCH KHOAN VÀ HÓA PHẨM ĐẦU KHÍ - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÀU SỐ B 09-DN

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng	
Số dư đầu năm trước	500.000.000.000	18.965.245.000	89.229.474.964	145.567.902.481	753.762.622.445	
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	140.769.133.923	140.769.133.923	
Phân phối các quỹ	-	-	7.278.395.124	(7.278.395.124)	-	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban Điều hành	-	-	-	(21.835.185.372)	(21.835.185.372)	
Chia cổ tức	-	-	-	(60.000.000.000)	(60.000.000.000)	
Số dư đầu năm nay	500.000.000.000	18.965.245.000	96.507.870.088	197.223.455.908	812.696.570.996	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	5.713.793.099	5.713.793.099	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban Điều hành (*)	-	-	-	(27.178.769.623)	(27.178.769.623)	
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(70.000.000.000)	(70.000.000.000)	
Số dư cuối năm nay	500.000.000.000	18.965.245.000	96.507.870.088	105.758.479.384	721.231.594.472	

(*) Theo Nghị quyết số 661/NQ-DMC ngày 25 tháng 4 năm 2016 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 về việc trích lập các quỹ và chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2015, Tổng Công ty đã thực hiện phân phối các quỹ và chia cổ tức cho cổ đông.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 18 ngày 27 tháng 01 năm 2015, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 500.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 18		Vốn đã góp	
	VND	%	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	179.996.190.000	36,0	179.996.190.000	179.996.190.000
Halley Sicav - Halley Asian Prosperity	45.185.000.000	9,0	45.185.000.000	35.857.000.000
Các cổ đông khác	274.818.810.000	55,0	274.818.810.000	284.146.810.000
	500.000.000.000	100%	500.000.000.000	500.000.000.000

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	ĐVT	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngoại tệ các loại			
Đô la Mỹ	USD	166.387	95.916
Yên Nhật	JPY	33.597	715.049
Nợ khó đòi đã xử lý		3.804.311.981	3.804.311.981
Công ty TNHH Vĩnh Thịnh (Nguyên nhân xóa sổ: giải thể)	VND	644.135.000	644.135.000
Nacap BHD (Nguyên nhân xóa sổ: hết kinh phí dự án theo thỏa thuận)	VND	3.058.294.261	3.058.294.261
Qinhdao Chemical Co., Ltd (Nguyên nhân xóa sổ: doanh nghiệp không còn tồn tại)	VND	101.882.720	101.882.720

22. DOANH THU VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu bán hàng	1.850.168.667.105	1.379.127.648.085
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	242.651.541.593	349.231.469.000
	2.092.820.208.698	1.728.359.117.085
Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Hàng bán bị trả lại	-	1.960.626.570
	-	1.960.626.570
Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan (được trình bày tại Thuyết minh số 29)	257.568.053.763	352.843.981.657

Trong năm 2016, theo các đề nghị xuất hàng, biên bản giao nhận hàng của khách hàng, Tổng Công ty đã xuất một số hàng hóa và đã được khách hàng sử dụng ngoài giàn khoan phục vụ công tác khoan tại một Lô Hợp đồng dầu khí với giá trị là 21.103.916.718 VND (bao gồm các chi phí liên quan khác). Tổng Công ty đang đàm phán với khách hàng một số điều khoản liên quan đến giao dịch nêu trên để chính thức ký hợp đồng. Ban Giám đốc Tổng Công ty đã đánh giá thận trọng và tin tưởng chắc chắn rằng giá bán theo thỏa thuận chính thức khách hàng sẽ không thấp hơn giá trị ghi sổ của hàng hóa và các chi phí liên quan. Do đó, Tổng Công ty quyết định ghi nhận doanh thu và giá vốn bán hàng, cung cấp dịch vụ với cùng giá trị là 21.103.916.718 VND trong năm 2016.

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.559.103.635	1.104.778.800
Chi phí nhân công	30.461.638.268	33.848.161.168
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.318.023.441	5.022.986.328
Chi phí dịch vụ mua ngoài	281.942.670.419	358.734.518.379
Chi phí khác bằng tiền	48.660.345.356	47.553.582.400
	380.941.781.119	446.264.027.075

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	92.251.516.872	163.899.150.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.059.336.960	1.637.447.645
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.780.617.009	10.933.380.791
Doanh thu hoạt động tài chính khác	371.192.109	174.183.750
	105.462.662.950	176.644.162.186
Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong năm với các bên liên quan (được trình bày tại Thuyết minh số 29)	60.925.201.103	101.003.477.177

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	27.302.239.373	2.551.378.539
Lãi tiền vay	19.416.709.781	13.306.226.858
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.392.275.467	5.683.480.612
Tiền lương hoạt động tài chính	3.080.607.317	4.756.885.032
Chi phí tài chính khác	12.074.945.283	472.347.687
	64.266.777.221	26.770.318.728

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí dự phòng	23.689.106.170	(3.105.472.880)
Chi phí nhân công	21.302.992.218	25.471.859.108
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.676.537.700	15.113.498.904
Chi phí thuê nhà	8.992.776.981	7.260.248.940
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	13.611.065.245	21.944.976.660
	83.272.478.314	66.685.110.732
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí vận chuyển	24.518.020.616	27.082.888.542
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.193.346.347	17.605.704.466
Chi phí nhân công	3.840.731.436	7.301.787.077
Chi phí thuê kho	930.322.386	4.766.252.103
Các khoản chi phí bán hàng khác	7.425.249.405	12.738.612.383
	60.907.670.190	69.495.244.571

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.713.793.099	140.769.133.923
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(100.078.778.358)	(163.900.215.693)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	19.103.684.377	2.183.245.952
Tổng thu nhập chịu thuế sau điều chỉnh	(75.261.300.882)	(20.947.835.818)
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	(75.261.300.882)	(20.947.835.818)
Thuế suất	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-

28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Trong năm 2010, Tổng Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động văn phòng làm việc tại tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam - 173 Trung Kính, Cầu Giấy, Hà Nội (nay là 167 Trung Kính, Cầu Giấy, Hà Nội). Hợp đồng thuê văn phòng số 2917/2010/HĐ-VĐKVN ký ngày 21 tháng 12 năm 2010 có thời hạn 50 năm tính từ ngày bàn giao mặt bằng (ngày 10 tháng 8 năm 2010). Tổng diện tích thuê là 3.060 m² với đơn giá 41.000.000 VND/m²/50 năm. Tổng giá trị hợp đồng thuê là 125.460.000.000 VND (chưa bao gồm thuế GTGT) thanh toán trong 10 năm, mỗi năm thanh toán 2 đợt vào ngày 01/01 và ngày 01/7 hàng năm. Chi phí sử dụng vốn 10% mỗi năm được tính trên số tiền chưa trả.

Ngày 14 tháng 5 năm 2013, hai bên đã ký Phụ lục số 4 sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Hợp đồng số 2917/2010/HĐ-VĐKVN ký ngày 21 tháng 12 năm 2010, theo đó kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, đơn giá thuê là 273.000 VND/m²/tháng; kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2015, giá thuê được áp dụng theo giá trị trượt. Tính đến thời điểm báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đã thanh toán toàn bộ tiền thuê văn phòng đến ngày 31 tháng 12 năm 2016. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2013, tiền thuê văn phòng được thanh toán 2 kỳ/năm vào ngày 01 tháng 01 hàng năm (cho thời gian thuê từ 01 tháng 01 đến 30 tháng 6 hàng năm) và ngày 01 tháng 7 hàng năm (cho thời gian thuê từ ngày 01 tháng 7 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm).

Ngày 24 tháng 4 năm 2014, Tổng Công ty và Viện Dầu khí Việt Nam đã có cuộc họp đàm phán về việc giảm diện tích thuê Văn phòng tại tầng 7, Tòa nhà Viện Dầu khí, 167 Trung Kính, Cầu Giấy, Hà Nội. Theo kết quả cuộc họp này, Viện Dầu khí Việt Nam đồng ý tiếp nhận lại 298 m² diện tích sử dụng (tương đương 380 m² diện tích phân bố) tại tầng 7. Ngày 02 tháng 6 năm 2014, Tổng Công ty đã hoàn thành việc bàn giao lại mặt bằng lại cho Viện Dầu khí theo đúng nội dung cuộc họp ngày 24 tháng 4 năm 2014.

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Hoá phẩm Dầu khí DMC - Miền Bắc	Công ty con
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	Công ty con
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Nam	Công ty con
Công ty TNHH Dung dịch Khoan M-I Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Liên doanh DMC - VTS	Công ty liên doanh
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP - Nhà máy Đạm Phú Mỹ	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil) - XN Tổng kho Xăng dầu Miền Đông	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đồng Dương	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH MTV Lọc hoá dầu Bình Sơn (BSR)	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Phân Bón Dầu Khí Cà Mau (PVCFC)	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Ban Quản lý dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Hà Nội	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú - Sông Hậu	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Hóa Dầu và Xơ sợi Dầu khí	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Chi nhánh Viện Dầu khí Việt Nam-Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Chế biến Dầu khí	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP - Nhà máy Đạm Phú Mỹ	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Dịch vụ bảo vệ An ninh Dầu Khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Nhiên liệu sinh học dầu khí Miền Trung	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH MTV Địa vật lý Giếng khoan (PVD_Logging)	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án Dầu khí PVE	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Giếng khoan Dầu khí PVD	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Chi nhánh Viện Dầu khí Việt Nam - Trung tâm Ứng dụng và Chuyển giao Công nghệ	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

TỔNG CÔNG TY DUNG DỊCH KHOAN VÀ HÓA PHẨM DẦU KHÍ - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	257.568.053.763	352.843.981.657
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	110.367.524.135	124.293.499.275
Công ty TNHH Dung dịch Khoan M-I Việt Nam	53.480.724.362	116.639.331.896
Công ty TNHH MTV Lọc hoá dầu Bình Sơn (BSR)	49.775.166.648	60.573.071.193
Trường Đại học Dầu khí	16.976.940.000	-
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP - Nhà máy Đạm Phú Mỹ	8.366.715.698	3.355.609.147
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	7.914.402.215	921.434.204
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	3.285.060.368	5.592.127.128
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Nam	1.820.109.000	4.131.097.700
Viện Dầu khí Việt Nam	1.715.700.000	-
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	1.355.277.090	2.999.370.766
Các công ty liên quan khác	2.510.434.247	34.338.440.348
Doanh thu hoạt động tài chính	60.925.201.103	101.003.477.177
Công ty TNHH Dung dịch khoan M-I Việt Nam	56.737.500.000	98.730.900.000
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Bắc	1.994.700.000	1.878.250.000
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1.505.430.216	-
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	105.021.155	391.915.775
Công ty TNHH Liên doanh DMC-VTS	582.549.732	2.411.402
Thu nhập hoạt động khác	7.623.598.284	17.743.948.414
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Nam	5.900.000.000	12.555.539.834
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.723.598.284	-
Công ty TNHH Liên doanh DMC-VTS	-	5.048.408.580
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	-	140.000.000
Giá trị hàng mua và dịch vụ cung cấp	564.544.127.263	532.652.240.303
Công ty TNHH MTV Lọc hoá dầu Bình Sơn (BSR)	394.509.352.484	441.897.364.980
Công ty TNHH Dung dịch Khoan M-I Việt Nam	91.068.556.446	1.740.476.995
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Bắc	19.504.250.168	60.742.072.021
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Nam	15.778.805.118	16.787.155.809
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	10.810.188.286	985.009.902
Viện Dầu khí Việt Nam	9.157.395.504	3.299.394.638
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu Khí - Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	8.023.063.450	74.655.000
Công ty TNHH Liên doanh DMC-VTS	7.797.058.436	826.934.400
Các công ty liên quan khác	7.895.457.371	6.299.176.558

TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ KHOAN VÀ HÓA PHẨM DẦU KHÍ - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Vay ngắn hạn - Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam		
Gốc vay nhận được	-	65.330.008.470
Gốc vay đã trả	16.653.083.454	53.330.667.098
Lãi vay phải trả	47.094.305	248.079.434
Lãi vay đã trả	47.094.305	247.312.438
Trả cổ tức bằng tiền		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	25.199.466.600	21.599.542.800

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền gửi ngân hàng - Tài khoản thanh toán		
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	429.374.690	679.417.187
Tiền gửi ngân hàng - Tài khoản tiết kiệm		
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	10.000.000.000	30.000.000.000
Phải thu khách hàng	96.825.145.625	112.839.483.183
Công ty TNHH Dung dịch Khoan M-I Việt Nam	53.427.634.650	38.913.877.845
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Nam	12.258.421.071	12.690.473.741
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	8.669.343.325	684.379.546
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	7.838.992.114	25.492.347.872
Công ty TNHH Liên doanh DMC-VTS	6.209.044.462	6.138.858.288
Công ty TNHH MTV Lọc hoá dầu Bình Sơn (BSR)	4.356.395.408	21.443.851.740
Công ty Cổ phần Hóa Dầu và Xơ sợi Dầu khí	1.689.461.633	1.694.961.633
Các công ty liên quan khác	2.375.852.962	5.780.732.518
Phải thu khác	926.137.340	7.816.193.704
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	597.637.340	597.637.340
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	313.500.000	-
Công ty Cổ phần Hoá phẩm Dầu khí DMC - Miền Bắc	15.000.000	18.920.000
Công ty TNHH MTV Lọc hoá dầu Bình Sơn (BSR)	-	7.199.636.364
Người mua trả tiền trước	927.308.002	1.286.529.220
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	302.355.428	417.355.428
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú - Sông Hậu	241.980.860	241.980.860
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP - Nhà máy Đạm Phú Mỹ	199.859.262	-
Các công ty liên quan khác	183.112.452	627.192.932

TỔNG CÔNG TY DUNG DỊCH KHOAN VÀ HÓA PHẨM DẦU KHÍ - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Phải trả nhà cung cấp	151.378.115.136	119.345.619.756
Công ty TNHH Dung dịch Khoan M-I Việt Nam	87.404.151.628	-
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	47.584.088.747	105.132.150.241
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu Khí - Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	7.532.232.510	-
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí - Xí nghiệp Dịch vụ Đầu tư khoan Dầu khí	2.721.007.575	-
Công ty Cổ phần Hoá phẩm Dầu khí DMC - Miền Bắc	2.636.427.386	14.094.988.309
Công ty Cổ phần Hoá phẩm Dầu khí DMC - Miền Nam	1.817.517.496	-
Các công ty liên quan khác	1.682.689.794	118.481.206
Trả trước cho người bán	13.374.713.948	19.772.803.681
Công ty TNHH Liên doanh DMC-VTS	13.374.713.948	19.772.803.681
Phải trả khác	-	1.000.000.000
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	1.000.000.000
Vay ngắn hạn	-	16.786.236.099
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	-	16.786.236.099

30. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 28.460.007.525 VND (năm 2015: 76.502.145 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông đã bao gồm tiền cổ tức các năm trước đã trả trong năm 2016 với số tiền là 1.306.714.577 VND và không bao gồm cổ tức năm 2015 đã thông báo chi trả trong 2016 mà chưa trả cho cổ đông với số tiền là 1.346.943.847 VND.

Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm số tiền 119.291.667 VND (năm 2015 là 627.777.778 VND) lãi tiền gửi nhưng chưa nhận trong năm, không bao gồm số tiền 1.994.700.000 VND (năm 2015 là 163.899.150.000 VND) là khoản phải thu cổ tức đã được bù trừ với số dư phải trả trong năm, và không bao gồm số tiền 21.871.724.717 VND là khoản lợi nhuận nhận về sau khi trừ chi phí giải thể khi chuyển Công ty TNHH MTV Dung dịch Khoan và Dịch vụ Giếng khoan thành chi nhánh của Tổng Công ty.



11/01/2016

TỔNG CÔNG TY DUNG DỊCH KHOAN VÀ HÓA PHẨM DẦU KHÍ - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng:

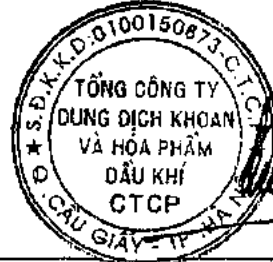
Như trình bày tại Thuyết minh số 5, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư tiền gửi ngân hàng bao gồm số tiền 8.762.103.541 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 8.770.625.149 VND) là các khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại dương đang bị hạn chế sử dụng, Ban Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ sử dụng được trong tương lai khi có những quyết định/hướng dẫn cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.



Hoàng Tiến Thành
Người lập biểu

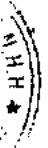


Bùi Tuấn Ngọc
Kế toán trưởng



Tôn Anh Thi
Tổng Giám đốc

Ngày 08 tháng 3 năm 2017



Deloitte.

**TỔNG CÔNG TY DUNG DỊCH KHOAN VÀ
HÓA PHẨM DẦU KHÍ - CTCP**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Chủ tịch
Ông Tôn Anh Thi	Ủy viên
Ông Đỗ Xuân Vịnh	Ủy viên
Ông Hà Duy Tân	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Tôn Anh Thi	Tổng Giám đốc
Ông Lê Hải Phong	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Xuân Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lưu Quốc Phương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Vũ Hoàng Hoa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Khuất Quang Tiến	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Tôn Anh Thi
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2017

Số: ~~SA~~ /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 10 tháng 3 năm 2017, từ trang 05 đến trang 39 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0042-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 10 tháng 3 năm 2017
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Bùi Thị Thu Hương
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1688-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.667.028.060.761	1.706.138.850.980
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	203.305.170.183	311.385.554.635
1. Tiền	111		66.719.059.072	90.786.002.969
2. Các khoản tương đương tiền	112		136.586.111.111	220.599.551.666
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		11.500.000.000	2.302.069.649
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		11.500.000.000	2.302.069.649
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		964.992.438.750	633.489.728.015
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	961.023.168.674	536.831.125.045
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		38.760.794.456	94.223.175.099
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	11.328.999.950	23.311.134.449
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(46.120.524.330)	(20.875.706.578)
IV. Hàng tồn kho	140	9	464.819.133.678	712.229.974.506
1. Hàng tồn kho	141		501.043.847.207	745.803.444.045
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(36.224.713.529)	(33.573.469.539)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		22.411.318.150	46.731.524.175
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.054.001.027	4.965.225.386
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		17.499.822.292	19.717.004.415
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	857.494.831	22.049.294.374
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		321.610.907.712	286.154.745.479
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		209.177.230	492.891.775
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	209.177.230	492.891.775
II. Tài sản cố định	220		300.051.361.656	239.550.120.596
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	274.701.624.433	215.919.240.907
- Nguyên giá	222		460.453.732.348	392.459.188.148
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(185.752.107.915)	(176.539.947.241)
2. Tài sản cố định vô hình	227		25.349.737.223	23.630.879.689
- Nguyên giá	228		29.626.886.814	27.121.942.841
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.277.149.591)	(3.491.063.152)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	19.030.616.643
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	19.030.616.643
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		7.780.107.520	11.656.877.590
1. Đầu tư vào công ty liên doanh	252	12	7.780.107.520	11.656.877.590
V. Tài sản dài hạn khác	260		13.570.261.306	15.424.238.875
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.185.289.786	4.870.379.664
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		11.384.971.520	10.553.859.211
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.988.638.968.473	1.992.293.596.459

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		961.546.783.215	793.169.244.065
I. Nợ ngắn hạn	310		937.034.475.506	735.998.545.658
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	311.975.755.896	239.458.072.558
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		29.489.264.187	71.648.736.861
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	9.513.534.268	5.721.449.956
4. Phải trả người lao động	314		7.209.288.677	12.578.784.318
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		39.574.868.135	46.099.943.458
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		885.813.140	1.025.678.373
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	7.587.212.579	9.820.422.679
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	505.445.181.201	330.134.443.475
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		5.991.494.012	1.208.167.279
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		19.362.063.411	18.302.846.701
II. Nợ dài hạn	330		24.512.307.709	57.170.698.407
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	8.986.094.201	41.539.900.982
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342		300.725.953	-
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		15.225.487.555	15.630.797.425
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.027.092.185.258	1.199.124.352.394
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.026.242.587.229	1.197.403.459.365
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	17	500.000.000.000	500.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	17	18.965.245.000	18.965.245.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	17	2.735.445.631	2.648.777.396
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	17	101.000.199.194	103.558.957.528
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	17	217.240.717.903	357.850.340.189
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		267.603.105.847	252.308.190.459
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(50.362.387.944)	105.542.149.730
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		186.300.979.501	214.380.139.252
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		849.598.029	1.720.893.029
1. Nguồn kinh phí	431		849.598.029	1.720.893.029
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.988.638.968.473	1.992.293.596.459

[Signature]

[Signature]



Tạ Đình Khang
Người lập biểu

Bùi Tuấn Ngọc
Kế toán trưởng

Tôn Anh Thị
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	3.063.050.094.059	3.606.337.266.331
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	2.482.506.429	2.048.322.570
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		3.060.567.587.630	3.604.288.943.761
4. Giá vốn hàng bán	11		2.819.355.469.429	3.089.356.149.553
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		241.212.118.201	514.932.794.208
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	15.039.771.278	19.871.232.766
7. Chi phí tài chính	22	23	37.866.613.376	41.437.312.158
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		19.845.246.814	18.180.642.361
8. Phần (Lỗ) trong Công ty liên doanh, liên kết	24		(3.963.438.305)	(1.693.276.604)
9. Chi phí bán hàng	25	24	65.819.358.209	75.850.808.455
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	172.074.563.978	204.047.905.701
11. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		(23.472.084.389)	211.774.724.056
12. Thu nhập khác	31		16.680.856.342	52.971.836.140
13. Chi phí khác	32		11.479.306.093	12.302.086.348
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		5.201.550.249	40.669.749.792
15. Tổng (Lỗ)/Lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(18.270.534.140)	252.444.473.848
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		15.999.756.907	43.880.578.810
17. (Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(831.112.309)	9.220.654.192
18. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(33.439.178.738)	199.343.240.846
18.1. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(50.362.387.944)	105.542.149.730
18.2. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		16.923.209.206	93.801.091.116
19. (Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	(1.186)	1.788

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]



Tạ Đình Khang
Người lập biểu

Bùi Tuấn Ngọc
Kế toán trưởng

Tôn Anh Thị
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	01	(18.270.534.140)	252.444.473.848
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	35.402.077.538	31.858.006.963
Các khoản dự phòng	03	32.679.388.475	14.733.354.130
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.369.975.077	1.021.466.007
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(7.157.361.585)	(9.477.558.578)
Chi phí lãi vay	06	19.845.246.814	18.180.642.361
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	3.900.000.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	63.868.792.179	312.660.384.731
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(325.550.686.339)	95.517.306.237
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	244.759.596.838	121.646.084.398
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(111.715.778.935)	(356.937.104.282)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	3.172.297.795	13.500.107.133
Tiền lãi vay đã trả	14	(18.309.088.709)	(19.461.923.615)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.373.740.890)	(80.395.144.606)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.157.705.000	1.928.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(28.480.655.037)	(36.501.932.677)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(178.571.558.098)	51.955.777.319
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(13.079.110.021)	(33.871.305.807)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	801.809.093	159.272.729
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(11.500.000.000)	(5.013.517.649)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.302.069.649	2.711.448.000
5. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	15.083.000.000	1.344.501.548
6. Thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.792.923.657	13.298.880.847
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	5.400.692.378	(21.370.720.332)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.339.951.637.405	1.341.982.146.029
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.204.901.385.407)	(1.497.509.726.391)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(69.959.770.730)	(59.984.700.340)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	65.090.481.268	(215.512.280.702)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</i>	50	(108.080.384.452)	(184.927.223.715)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	311.385.554.635	496.312.778.350
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	203.305.170.183	311.385.554.635

Ry

Uabe



Tạ Đình Khang
Người lập biểu

Bùi Tuấn Ngọc
Kế toán trưởng

Tôn Anh Thi
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hoá phẩm Dầu khí - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí, được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 1544/QĐ-TCCB ngày 28 tháng 4 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí, là doanh nghiệp Nhà nước, đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103009579 ngày 18 tháng 10 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được niêm yết và giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là PVC.

Tổng Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 27 tháng 01 năm 2015 đối với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103009579 ngày 18 tháng 10 năm 2005 với vốn điều lệ là 500.000.000.000 VND, tương đương 50.000.000 cổ phần.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Nghiên cứu chuyển giao công nghệ, cung cấp dịch vụ dung dịch khoan, dịch vụ hoàn thiện và sửa chữa giếng khoan dầu khí, xử lý vùng cận đáy giếng, tăng cường thu hồi dầu và các dịch vụ kỹ thuật dầu khí khác;
- Sản xuất dung dịch khoan và hóa phẩm dầu khí, xi măng giếng khoan và các chất dùng cho khoan thăm dò, khai thác dầu khí, công nghiệp giấy, công nghiệp luyện cán thép;
- Thu gom, xử lý, tái chế các loại phế liệu và chất thải ngành dầu khí;
- Xử lý môi trường và chuyển giao công nghệ xử lý môi trường;
- Kinh doanh các hóa chất (trừ loại Nhà nước cấm), hóa phẩm, nguyên vật liệu và các thiết bị phục vụ tìm kiếm, thăm dò, khai thác, vận chuyển, tồn chứa, chế biến dầu khí và các ngành kinh tế;
- Xuất nhập khẩu hóa chất (trừ loại Nhà nước cấm), hóa phẩm, thiết bị, nguyên liệu, vật tư phục vụ cho ngành công nghiệp dầu khí, phục vụ xử lý, chống ô nhiễm môi trường và các ngành công nghiệp khác;
- Kinh doanh vật liệu phục vụ các ngành công nghiệp;
- Kinh doanh khí đốt và các sản phẩm từ khí đốt, nhiên liệu sinh học;
- Kinh doanh chất dẻo dạng nguyên sinh; Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn nguyên liệu bông xơ, thuốc nhuộm, nguyên liệu phụ, bao bì cho ngành dệt may;
- Kinh doanh phụ gia cho dung dịch khoan;
- Khai thác bentonite, cát công nghiệp, dolomite, cao lanh, v.v.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con/công ty liên doanh và chi nhánh của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty con				
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Bắc	Hà Nội	84,71	84,71	Sản xuất và kinh doanh dung dịch khoan và hóa phẩm dầu khí
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Nam	Vũng Tàu	51,00	51,00	
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	Quảng Ngãi	75,42	75,42	
Công ty TNHH Dung dịch Khoan M-I Việt Nam	Vũng Tàu	51,00	51,00	Kinh doanh dung dịch khoan và cung cấp dịch vụ khoan
Công ty liên doanh				
Công ty TNHH Liên doanh DMC-VTS	Lào	38,61	38,61	Khai thác, chế biến và kinh doanh Barite

Tên chi nhánh

Mối quan hệ

Chi nhánh Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí tại Hà Nội	Đơn vị phụ thuộc
Chi nhánh Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí tại Thành phố Hồ Chí Minh	Đơn vị phụ thuộc
Chi nhánh Trung Tâm Nghiên cứu Ứng dụng và Dịch vụ Kỹ thuật	Đơn vị phụ thuộc
Chi nhánh Tổng Công ty DMC - Công ty Dung dịch Khoan và Dịch vụ Giếng khoan (i)	Đơn vị phụ thuộc

- (i) Chi nhánh Tổng Công ty DMC - Công ty Dung dịch Khoan và Dịch vụ Giếng khoan được hình thành trên cơ sở giải thể Công ty TNHH MTV Dung dịch Khoan và Dịch vụ Giếng khoan theo Quyết định số 2588/QĐ-DMC ngày 28 tháng 12 năm 2015. Tại ngày 01 tháng 01 năm 2016, Tổng Công ty đã nhận bàn giao nguyên trạng theo số liệu trên báo cáo tài chính của công ty con tại thời điểm giải thể, đồng thời nhận kế thừa toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan đến công ty con này.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tổng Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Tổng Công ty và các công ty con được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

12/11/2011

	<u>Năm nay</u> <u>(Năm)</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 12
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Phương tiện vận tải	6 - 8
Khác	5 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất, phần mềm chuyển đổi đơn vị đo lường quốc tế và phần mềm kế toán. Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Phần mềm chuyển đổi đơn vị đo lường quốc tế và phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 - 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

09/10/2014

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Để phục vụ cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, tài sản và công nợ của Công ty Liên doanh DMC-VTS (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ của báo cáo tài chính hợp nhất theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, sẽ được phân loại vào nguồn vốn chủ sở hữu và được ghi nhận vào khoản mục "chênh lệch tỷ giá hối đoái".

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
Tiền mặt	1.341.036.508	5.716.199.614
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	65.378.022.564	85.069.803.355
Các khoản tương đương tiền (ii)	136.586.111.111	220.599.551.666
	203.305.170.183	311.385.554.635

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư tiền gửi ngân hàng bao gồm số tiền 8.916.996.152 VND là các khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại dương đang bị hạn chế sử dụng, Ban Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ sử dụng được trong tương lai khi có những quyết định/hướng dẫn cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.
- (ii) Phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng với lãi suất từ 4,3% đến 5% tại các ngân hàng thương mại.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Nhựa OPEC	573.682.505.602	187.051.197.082
Liên doanh Việt- Nga Vietsovpetro	154.077.928.717	37.307.511.571
Công ty Hoàng Long	34.180.108.291	-
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	31.309.050.359	76.630.662.174
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (Lô 102/10, 106/10)	26.111.502.210	26.111.502.210
Công ty Liên Doanh Điều Hành Cửu Long	23.712.320.038	20.916.801.596
Công ty TNHH MTV Điều hành thăm dò khai thác dầu khí trong nước (Lô 09-2/09)	14.879.263.065	21.530.062.483
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khang Minh	8.140.367.815	8.140.367.815
Công ty TNHH PC Việt Nam	4.909.262.160	13.936.438.019
Công ty TNHH MTV Lọc hoá dầu Bình Sơn (BSR)	5.242.337.718	21.498.400.740
Các khách hàng khác	84.778.522.699	123.708.181.355
	961.023.168.674	536.831.125.045
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan (được trình bày tại Thuyết minh số 27)	24.902.171.054	39.328.872.459

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu người lao động	2.724.765.818	2.363.361.329
Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí (Petrowaco)	1.911.373.000	1.996.800.000
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Bao bì nhựa	1.738.445.215	-
Công ty Cổ phần Gang thép Thanh Hóa	1.433.519.972	1.433.519.972
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	498.674.223	1.078.232.911
Công ty TNHH MTV Lọc hoá dầu Bình Sơn (BSR)	-	7.199.636.364
Phải thu khác	3.022.221.722	9.239.583.873
	11.328.999.950	23.311.134.449
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan (được trình bày tại Thuyết minh số 27)	911.137.340	7.797.273.704
b. Dài hạn		
- Ký cược, ký quỹ	194.031.775	492.891.775
- Phải thu khác	15.145.455	-
	209.177.230	492.891.775

**TỔNG CÔNG TY DUNG DỊCH KHOAN VÀ HÓA PHẨM DẦU KHÍ - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

8. NỢ XẤU

Đối tượng	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm		Thời gian quá hạn
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi (i) VND		Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi (i) VND	
Phải thu khó có khả năng thu hồi	142.832.267.974	96.711.743.644		61.245.354.537	40.369.647.959	
Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro	32.689.055.677	32.689.055.677	dưới 6 tháng	-	-	Chưa quá hạn
Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro	30.931.007.359	7.980.611.289	từ 6 tháng đến 1 năm	-	-	Chưa quá hạn
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (Lô 102/10, 106/10)	26.111.502.210	18.278.051.547	từ 6 tháng đến 1 năm	-	-	Chưa quá hạn
Công ty TNHH Liên doanh DMC - VTS	70.186.174	70.186.174	dưới 6 tháng	-	-	Chưa quá hạn
Công ty TNHH Liên doanh DMC - VTS	13.374.713.948	9.362.299.764	từ 6 tháng đến 1 năm	-	-	Chưa quá hạn
Công ty TNHH Liên doanh DMC - VTS	6.138.858.288	3.069.429.144	từ 1 đến 2 năm	-	-	Chưa quá hạn
Công ty TNHH MTV Điều hành thăm dò khai thác dầu khí trong nước (Lô 09-2/09)	2.120.173.483	2.120.173.483	Dưới 6 tháng	-	-	Chưa quá hạn
Công ty TNHH MTV Điều hành thăm dò khai thác dầu khí trong nước (Lô 09-2/09)	2.021.357.960	1.414.950.572	Từ 6 tháng đến 1 năm	-	-	Chưa quá hạn
Công ty TNHH MTV Điều hành thăm dò khai thác dầu khí trong nước (Lô 09-2/09)	10.737.731.622	5.368.865.811	Từ 1 đến 2 năm	10.737.731.622	10.737.731.622	Dưới 6 tháng
Công ty Cổ phần Dầu tư Phát triển Khang Minh	533.195.764	266.597.882	Từ 1 đến 2 năm	-	-	Chưa quá hạn
Công ty Cổ phần Dầu tư Phát triển Khang Minh	6.563.153.100	3.467.699.653	Từ 1 đến 2 năm	6.190.906.895	4.333.634.827	Từ 6 tháng đến 1 năm
Công ty Cổ phần Dầu tư Phát triển Khang Minh	-	-	Từ 1 đến 2 năm	9.206.875	4.603.438	Quá hạn 1-2 năm
Công ty Cổ phần Dầu tư Phát triển Khang Minh	1.044.018.951	313.205.685	Quá hạn 2-3 năm	1.128.568.689	338.570.605	Quá hạn 2-3 năm
Công ty Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Phúc An	5.749.338.314	1.724.801.494	Quá hạn 2-3 năm	5.749.338.314	2.874.669.157	Quá hạn 1-2 năm
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	2.737.079.920	-	Quá hạn > 3 năm	2.737.079.920	-	Quá hạn > 3 năm
Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí	1.872.000.000	-	Quá hạn > 3 năm	1.872.000.000	-	Quá hạn > 3 năm
Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí	124.800.000	-	Quá hạn > 3 năm	124.800.000	37.440.000	Quá hạn 2-3 năm
Công ty Cổ phần Gang thép Thanh Hóa	1.433.519.972	-	Quá hạn > 3 năm	1.433.519.972	-	Quá hạn > 3 năm
Các đối tượng khác	18.580.575.232	10.585.815.469		31.262.202.250	22.042.998.310	

(i) Giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập.

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	2.892.236.260	-	28.377.663.591	-
Nguyên liệu, vật liệu	22.128.325.318	-	24.934.433.906	-
Công cụ, dụng cụ	1.365.849.123	-	2.371.183.145	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (i)	69.414.968.755	-	38.274.278.866	-
Thành phẩm	25.583.915.405	-	19.425.906.119	-
Hàng hoá (ii)	338.357.424.152	(36.224.713.529)	530.826.714.803	(33.573.469.539)
Hàng gửi bán (iii)	41.301.128.194	-	101.593.263.615	-
Cộng	501.043.847.207	(36.224.713.529)	745.803.444.045	(33.573.469.539)

(i) Số dư chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm phần chi phí đã phát sinh tương ứng với doanh thu vượt giá trị Hợp đồng số CNT-6495-SCA-3 ngày 30 tháng 10 năm 2014 ký với Liên doanh nhà thầu JGCS về thi công lắp đặt giàn giáo Nghi Sơn với giá trị là 13.194.865.784 VND. Tổng Công ty đang trong quá trình đàm phán đơn giá phần vượt hợp đồng với chủ đầu tư nên Ban Giám đốc Tổng Công ty quyết định chưa ghi nhận doanh thu phần vượt này trong năm và ghi nhận toàn bộ chi phí đã phát sinh tương ứng trên khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016. Ban Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng chắc chắn rằng giá trị phần vượt hợp đồng sẽ được chủ đầu tư phê duyệt cao hơn số chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

(ii) Hàng hóa tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 chủ yếu bao gồm muối KCl, quặng Barit và hóa phẩm dùng để chế tạo dung dịch khoan. Ban Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng chắc chắn rằng Tổng Công ty sẽ ký kết được hợp đồng bán các hàng hóa tồn kho này với giá trị cao hơn giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Trong năm, Tổng Công ty đã trích lập thêm dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 2.651.243.990 VND (năm 2015: trích lập thêm 12.589.830.819 VND) do giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng hóa thấp hơn giá gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

(iii) Hàng gửi bán phản ánh giá trị nguyên vật liệu, hàng hóa Tổng Công ty đã xuất ra các giàn khoan của khách hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty đã xuất một số lô hàng hóa cho khách hàng sử dụng ngoài giàn khoan để thực hiện công tác khoan tại một Lô Hợp đồng dầu khí với giá trị là 6.268.207.328 VND. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang đàm phán với khách hàng một số điều khoản liên quan đến giao dịch nêu trên để chính thức ký hợp đồng. Ban Giám đốc Tổng Công ty khẳng định số hàng hóa này hiện hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, thuộc sở hữu của Tổng Công ty và giá bán của hàng hóa chắc chắn lớn hơn giá vốn của lô hàng này.

**TỔNG CÔNG TY DUNG DỊCH KHOAN VÀ HÓA PHẨM DẦU KHÍ - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

10. TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	151.811.376.945	144.125.896.548	52.249.976.644	7.474.505.874	36.797.432.137	392.459.188.148
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.808.627.819	82.736.404.690	-	-	-	84.545.032.509
Mua sắm mới	3.865.955.544	4.503.305.600	2.230.318.182	77.715.000	-	10.677.294.326
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.020.071.427)	(4.925.078.902)	-	-	(5.945.150.329)
Giảm khác	(14.970.350)	(12.206.728.972)	(957.895.060)	(384.636.026)	(7.718.401.898)	(21.282.632.306)
Số dư cuối năm	157.470.989.958	218.138.806.439	48.597.320.864	7.167.584.848	29.079.030.239	460.453.732.348

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Số dư đầu năm	61.982.039.045	68.563.393.968	32.809.518.553	5.372.052.097	7.812.943.578	176.539.947.241
Trích khấu hao trong năm	8.620.768.871	19.149.265.137	3.873.271.506	514.125.895	2.195.304.424	34.352.735.833
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.020.071.427)	(3.959.632.153)	-	-	(4.979.703.580)
Giảm khác	(14.970.350)	(11.106.551.678)	(957.895.060)	(363.052.593)	(7.718.401.898)	(20.160.871.579)
Số dư cuối năm	70.587.837.566	75.586.036.000	31.765.262.846	5.523.125.399	2.289.846.104	165.752.107.915

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày đầu năm	89.829.337.900	75.562.502.580	19.440.458.091	2.102.453.777	28.984.488.559	215.919.248.907
Tại ngày cuối năm	86.883.152.392	142.552.770.439	16.832.058.018	1.644.459.449	26.789.184.135	274.701.624.433

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 80.020.725.506 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là: 66.130.821.849 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 16, Tổng Công ty đã thế chấp các tài sản cố định thuộc Dự án Nhà máy Hóa phẩm Dầu khí tại Cái Mép với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 95.833.566.668 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 103.312.551.152 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình.

Như trình bày tại Thuyết minh số 16, Tổng Công ty đã thế chấp các tài sản cố định thuộc Dự án "Cần cứ cung ứng dịch vụ DMC tại Cảng Cảng Vietsov Petro" với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 26.665.660.615 VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu.

Như trình bày tại Thuyết minh số 16, Tổng Công ty đã thế chấp các tài sản cố định với giá trị còn lại thuộc Dự án "Sửa chữa và xây dựng thêm văn phòng làm việc tại khu văn phòng số 391 đường Nguyễn Công Phương, thành phố Quảng Ngãi" tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.125.522.593 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 1.245.973.841 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay dài hạn tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi.

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Phát sinh trong năm		Số cuối năm
		Số phải nộp	Số đã thực nộp	
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	13.429.578.415	13.429.578.415	19.293.055	19.293.055
- Thuế GTGT đầu ra	13.429.578.415	13.429.578.415	19.293.055	19.293.055
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.139.902.953	7.805.616.338	111.873.614	446.160.229
Tiền thuế đất	479.813.006	479.813.006	72.793.900	72.793.900
Các loại thuế khác	-	-	319.247.647	319.247.647
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	319.247.647	319.247.647
Cộng	22.049.294.374	21.715.007.759	523.208.216	857.494.831
b) Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	659.245.466	113.755.285.684	109.259.072.869	5.155.458.281
- Thuế GTGT đầu ra	659.245.466	29.220.767.631	24.724.554.816	5.155.458.281
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	84.534.518.053	84.534.518.053	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	6.376.988.956	6.376.988.956	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.188.651.329	8.260.930.941	7.261.867.276	2.187.714.994
Thuế tài nguyên	188.460	2.016.360	2.075.940	128.880
Tiền thuế đất	-	1.356.320.995	1.356.320.995	-
Các loại thuế khác	3.873.364.701	14.212.184.527	15.915.317.115	2.170.232.113
Thuế môn bài	-	22.000.000	22.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.775.452.593	11.745.104.968	13.051.160.820	1.469.396.741
Thuế khác	1.097.912.108	2.445.079.559	2.842.156.295	700.835.372
Các khoản phải nộp khác	-	3.909.939.812	3.909.939.812	-
Nộp khác	-	3.909.939.812	3.909.939.812	-
Cộng	5.721.449.956	147.873.667.275	144.081.582.963	9.513.534.268

12. ĐẦU TƯ VÀO LIÊN DOANH

Đầu tư vào liên doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 phản ánh giá trị vốn đã góp vào Công ty Liên doanh DMC-VTS theo Hợp đồng liên doanh số 02/HĐLD/DMC-VTS ngày 12 tháng 12 năm 2009, thời gian liên doanh là 15 năm. Công ty liên doanh được thành lập tại Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào trên cơ sở đồng kiểm soát giữa phía Việt Nam bao gồm Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP và Công ty Cổ phần Than Đông Bắc hiện nay là Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình, do Tổng Công ty làm đại diện; và Công ty VTS Group. Trong đó, Tổng Công ty nắm giữ 38,61% vốn góp (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 38,61% vốn góp).

Số liệu trên báo cáo tài chính của công ty liên doanh được sử dụng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được quy đổi từ gốc Kíp Lào theo tỷ giá xuất nhập khẩu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ KHOAN VÀ HÓA PHẪM DẦU KHÍ - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Thông tin tài chính tóm tắt về công ty liên doanh của Tổng Công ty được trình bày như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Kíp Lào	Kíp Lào	Quy đổi VND	Quy đổi VND
Tổng tài sản	23.466.262.813,17	28.073.647.172,98	63.593.572.224	75.518.110.895
Tổng công nợ	16.030.274.168,98	16.849.525.505,35	43.442.042.998	45.325.223.609
Tài sản thuần	7.435.988.644,19	11.224.121.667,63	20.151.529.226	30.192.887.286
Tỷ giá quy đổi			2,71	2,69
Phần tài sản sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh	2.870.888.383,82	4.333.411.743,36	7.780.107.520	11.656.877.590

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn		
Phải trả liên quan đến mua hàng của Vinomig Singapore Pte, Ltd (*)	116.381.806.950	-
Công ty TNHH MTV Lọc hoá dầu Bình Sơn (BSR)	47.853.678.451	105.330.945.335
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học và Công nghệ Việt Nhật	31.306.008.278	-
Công ty TNHH Boilermaster Việt Nam	24.262.731.945	25.732.811.772
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	20.447.049.925	8.773.555.255
M-I Holdings L.L.C	3.457.556.060	12.130.605.375
Công ty Cổ phần Sản xuất và Xuất nhập khẩu Phú Thịnh	1.958.848.000	11.148.043.800
Schlumberger Drilling (Singapore) Pte. Ltd	-	24.561.674.585
Các đối tượng khác	66.308.076.287	51.780.436.436
	311.975.755.896	239.458.072.558
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (được trình bày tại Thuyết minh số 27)	59.798.312.080	115.847.801.510

(*) Các khoản phải trả liên quan đến các hợp đồng mua hạt nhựa PP của Vinomig Singapore Pte, Ltd. theo phương thức thanh toán Thư tín dụng trả chậm có thể thanh toán ngay (UPAS L/C - Usance payable at sight Letter of credit) thông qua Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam ("PVComBank"). Theo các hợp đồng này, Vinomig Singapore Pte, Ltd có thể được ngân hàng thanh toán ngay và Tổng Công ty có thể được thanh toán chậm với ngân hàng trong thời hạn là 06 tháng.

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ
Cổ tức phải trả	1.346.943.847	1.306.714.577
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	5.825.680.896
Bảo hiểm xã hội	54.584.731	-
Kinh phí công đoàn	171.542.340	116.342.382
Bảo hiểm y tế	87.257.191	-
Bảo hiểm thất nghiệp	15.422.132	-
Phải trả, phải nộp khác	5.911.462.338	2.571.684.824
	7.587.212.579	9.820.422.679
Phải trả ngắn hạn khác các bên liên quan (được trình bày tại Thuyết minh số 27)	-	1.000.000.000

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Chi tiêu	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn (*)	310.815.895.501	310.815.895.501	1.339.951.637.405	1.177.876.158.486	472.891.374.420	472.891.374.420
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 16)	19.318.547.974	19.318.547.974	32.553.806.781	19.318.547.974	32.553.806.781	32.553.806.781
Cộng	330.134.443.475	330.134.443.475	1.372.505.444.186	1.197.194.706.460	505.445.181.201	505.445.181.201

(*) Vay ngắn hạn bao gồm các khoản vay của các ngân hàng và tổ chức tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn	472.891.374.420	310.815.895.501
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây (i)	170.757.064.019	148.323.906.348
Ngân hàng Citibank, N.A - Chi nhánh Hà Nội (ii)	131.478.535.695	5.072.100.490
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (iii)	120.428.427.838	-
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội (iv)	27.404.633.150	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Sở giao dịch 3 (v)	17.767.600.868	2.671.550.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Bank Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	3.055.112.850	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	2.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	-	49.471.924.604
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Lý Thường Kiệt	-	51.910.686.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	-	15.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	-	16.786.236.099
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	-	15.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	-	6.579.491.960
Vay dài hạn đến hạn trả	32.553.806.781	19.318.547.974
	505.445.181.201	330.134.443.475

- (i) Vay ngắn hạn không đảm bảo từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 44/CTD/16/KHDN/VCBHT-DMC ngày 29 tháng 6 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 200 tỷ VND và thời hạn duy trì giới hạn tín dụng là 12 tháng. Thời hạn vay được ghi trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng kể từ ngày nhận nợ. Mục đích của khoản vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Lãi vay được trả từ ngày 26 hàng tháng đến ngày cuối tháng.
- (ii) Vay ngắn hạn không đảm bảo từ Ngân hàng Citibank, N.A. - Chi nhánh Hà Nội theo Thư chào Tín dụng của Ngân hàng Citibank, N.A. - Chi nhánh Hà Nội ngày 31 tháng 8 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 10.000.000 USD và thời hạn vay được ghi trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng kể từ ngày nhận nợ. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.
- (iii) Vay ngắn hạn không đảm bảo từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 06-28.16.1/HĐTD/TPBANK ngày 11 tháng 7 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 150 tỷ VND và thời hạn duy trì giới hạn tín dụng 12 tháng. Thời hạn vay được ghi trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng kể từ ngày nhận nợ. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

- (iv) Vay ngắn hạn không đảm bảo từ Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội theo Thỏa thuận chung về tín dụng của Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội ngày 24 tháng 8 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 10.000.000 USD và thời hạn vay được ghi trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng kể từ ngày nhận nợ. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.
- (v) Vay ngắn hạn không đảm bảo từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 3 theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/2436791/HĐTD ngày 18 tháng 7 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 100 tỷ VND và thời hạn duy trì giới hạn tín dụng là 12 tháng. Thời hạn vay được ghi trên từng giấy nhận nợ. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Chi tiêu	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	60.858.448.956	60.858.448.956	-	19.318.547.974	41.539.900.982	41.539.900.982
Cộng	60.858.448.956	60.858.448.956	-	19.318.547.974	41.539.900.982	41.539.900.982
Trong đó:						
Số phải trả trong vòng 12 tháng	19.318.547.974					32.553.806.781
Số phải trả sau 12 tháng	41.539.900.982					8.986.094.201
					<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
					VND	VND
Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình (i)					-	26.470.517.613
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu (ii)					8.483.767.901	14.413.057.069
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi (iii)					502.326.300	656.326.300
					<u>8.986.094.201</u>	<u>41.539.900.982</u>

- (i) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình theo Hợp đồng tín dụng số 02-2011/HĐTD ngày 27 tháng 10 năm 2011 với hạn mức tín dụng là 104 tỷ VND. Thời hạn khoản vay là 84 tháng, nợ gốc được ân hạn 12 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay được thay đổi 1 tháng/lần theo nguyên tắc lãi suất huy động tiết kiệm Việt Nam Đồng (trả lãi cuối kỳ) cộng (+) biên độ quy định cho từng thời kỳ (tại thời điểm ký là 4,5%/năm). Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Khoản vay được dùng để thanh toán chi phí Dự án Nhà máy Hóa phẩm Dầu khí tại Cái Mép. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản cố định hình thành từ dự án, số tiền gửi thường xuyên của Tổng Công ty tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình, quyền sử dụng đất thuê tại Khu công nghiệp Cái Mép. Tổng Công ty đã thanh toán trước hạn toàn bộ số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của khoản vay vào ngày 05 tháng 01 năm 2017.
- (ii) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu với hạn mức tín dụng 31.680.000.000 VND theo Hợp đồng tín dụng số 7053/2013-HDDTDDDDA/NHCT880-DMCWS ngày 14 tháng 11 năm 2013. Mục đích khoản vay dài hạn dùng để thanh toán cho dự án "Căn cứ cung ứng dịch vụ DMC tại Cảng Vietsov Petro". Lãi suất được tính bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 5%/năm và tần suất điều chỉnh 3 tháng/lần. Lãi suất được trả vào ngày 25 hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iii) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi theo Hợp đồng tín dụng số 340/13/NHNT.QNg ngày 16 tháng 10 năm 2013 với hạn mức tín dụng 1.120.730.000 VND. Mục đích vay để thanh toán chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư Sửa chữa và xây dựng thêm phòng làm việc tại khu văn phòng số 391 đường Nguyễn Công Phương, thành phố Quảng Ngãi. Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Thời hạn rút vốn tối đa 6 tháng kể từ khi hợp đồng vay có hiệu lực. Lãi suất vay thay đổi 3 tháng một lần và áp dụng lãi suất cho vay trung và dài hạn đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ vay vốn để sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp là toàn bộ công trình xây dựng gắn liền với đất thuộc phạm vi dự án đầu tư.

Các khoản vay dài hạn được thanh toán theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Trong vòng một năm	32.553.806.781	19.318.547.974
Trong năm thứ hai	6.083.289.168	19.318.547.974
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	2.902.805.033	22.027.026.708
Sau năm năm	-	194.326.300
Cộng	<u>41.539.900.982</u>	<u>60.858.448.956</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	32.553.806.781	19.318.547.974
<i>(được trình bày ở phần vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn - Thuyết minh số 15)</i>		
Số phải trả sau 12 tháng	<u>8.986.094.201</u>	<u>41.539.900.982</u>

TỔNG CÔNG TY DUNG DỊCH KHOAN VÀ HÓA PHẨM DẦU KHÍ - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng		
Số dư đầu năm trước	500.000.000.000	18.965.245.000	2.949.256.345	96.518.418.222	351.889.423.040	970.322.342.607		
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	-	105.542.149.730	105.542.149.730		
Chênh lệch do quy đổi báo cáo	-	-	(300.478.949)	-	300.478.949	-		
Phân phối các quỹ	-	-	-	7.553.253.309	(7.553.253.309)	-		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban Điều hành	-	-	-	-	(32.297.557.118)	(32.297.557.118)		
Chia cổ tức	-	-	-	-	(60.000.000.000)	(60.000.000.000)		
Giảm khác	-	-	-	(512.714.003)	(30.901.103)	(543.615.106)		
Số dư đầu năm nay	500.000.000.000	18.965.245.000	2.648.777.396	103.558.957.528	357.850.340.189	983.023.320.113		
Lỗ trong năm	-	-	-	-	(50.362.387.944)	(50.362.387.944)		
Chênh lệch do quy đổi báo cáo	-	-	86.668.235	-	-	86.668.235		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban Điều hành (i)	-	-	-	-	(27.593.902.862)	(27.593.902.862)		
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	(70.000.000.000)	(70.000.000.000)		
Giảm khác	-	-	-	(2.558.758.334)	7.346.668.520	4.787.910.186		
Số dư cuối năm nay	500.000.000.000	18.965.245.000	2.735.445.631	101.000.199.194	217.240.717.903	839.941.607.728		

(i) Theo Nghị quyết số 661/NQ-DMC ngày 25 tháng 4 năm 2016 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 về việc trích lập các quỹ và chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2015, Tổng Công ty đã thực hiện phân phối các quỹ và chia cổ tức cho cổ đông.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 18 ngày 27 tháng 01 năm 2015, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 500.000.000.000 VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 18		Vốn đã góp	
	VND	%	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND		VND	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	179.996.190.000	36,0	179.996.190.000	179.996.190.000
Halley Sicav - Halley Asian Prosperity	45.185.000.000	9,0	45.185.000.000	35.857.000.000
Các cổ đông khác	274.818.810.000	55,0	274.818.810.000	284.146.810.000
	500.000.000.000	100%	500.000.000.000	500.000.000.000

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	DVT	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại			
Đô la Mỹ	USD	183.555	311.850
Yên Nhật	JPY	33.597	715.049
Nợ khó đòi đã xử lý		4.053.407.659	4.053.407.659
Công ty TNHH Vĩnh Thịnh (Nguyên nhân xóa sổ: giải thể)	VND	644.135.000	644.135.000
Nacap BHD (Nguyên nhân xóa sổ: hết kinh phí dự án theo thỏa thuận)	VND	3.058.294.261	3.058.294.261
Qinhdao Chemical Co., Ltd (Nguyên nhân xóa sổ: doanh nghiệp không còn tồn tại)	VND	101.882.720	101.882.720
Cửa hàng Sanh Châu - Núi Thành Quảng Nam (Nguyên nhân xóa sổ: Giải thể)	VND	12.977.178	12.977.178
Công ty TNHH Mỹ Thịnh (Nguyên nhân xóa sổ: Chi phí thu hồi nợ lớn hơn số tiền thu hồi)	VND	772.500	772.500
Công ty Delta Sài Gòn (Nguyên nhân xóa sổ: Công ty giải thể)	VND	20.280.000	20.280.000
Hiệu buôn Khánh Diệp (Nguyên nhân xóa sổ: Đơn vị giải thể)	VND	5.000.000	5.000.000
Công ty Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng (Nguyên nhân xóa sổ: Chi phí thu hồi nợ lớn hơn số tiền thu hồi)	VND	78.440.000	78.440.000
Doanh nghiệp Tư nhân Hoàng Mỹ (Nguyên nhân xóa sổ: Chi phí thu hồi nợ lớn hơn số tiền thu hồi)	VND	60.040.000	60.040.000
Công ty Cổ phần 565 (Nguyên nhân xóa sổ: Chi phí thu hồi nợ lớn hơn số tiền thu hồi)	VND	47.850.000	47.850.000
Công ty Yu Yee Engineering Pte Ltd. (Nguyên nhân xóa sổ: Chi phí thu hồi nợ lớn hơn số tiền thu hồi)	VND	23.736.000	23.736.000

19. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động - Bộ phận kinh doanh hóa phẩm dầu khí và khác, và Bộ phận kinh doanh dịch vụ khoan. Tổng Công ty lập báo cáo bộ phận theo hai bộ phận kinh doanh này.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Hóa phẩm dầu khí và khác	Dung dịch khoan	Loại trừ	Tổng cộng
	Số cuối năm	Số cuối năm	Số cuối năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	1.797.673.034.033	502.193.208.356	(306.237.725.556)	1.993.628.516.833
(Lỗ) từ Công ty liên doanh	(4.989.548.360)			(4.989.548.360)
Tổng tài sản hợp nhất				1.988.638.968.473
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	1.006.917.627.854	170.308.015.587	(215.678.860.236)	961.546.783.215
Tổng nợ phải trả hợp nhất				961.546.783.215

TỔNG CÔNG TY DUNG DỊCH KHOAN VÀ HÓA PHẨM DẦU KHÍ - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

	Hóa phẩm dầu khí và khác	Dung dịch khoan	Loại trừ	Tổng cộng
	Năm nay	Năm nay	Năm nay	Năm nay
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.570.609.175.565	489.958.412.065	-	3.060.567.587.630
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	223.352.613.303	41.069.185.821	(264.421.799.124)	-
Tổng doanh thu	2.793.961.788.868	531.027.597.886	(264.421.799.124)	3.060.567.587.630
Chi phí hoạt động kinh doanh	2.662.383.409.161	418.346.221.578	(261.374.161.310)	2.819.355.469.429
Kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận	131.578.379.707	112.681.376.308	(3.047.637.814)	241.212.118.201
Chi phí không phân bổ				237.893.922.187
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				3.318.196.014
(Lỗ) từ công ty liên doanh				(3.963.438.305)
Lãi khác				5.201.550.249
Chi phí tài chính				22.826.842.098
Lợi nhuận trước thuế				(18.270.534.140)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				15.168.644.598
Lợi nhuận trong năm				(33.439.178.738)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Hóa phẩm dầu khí và khác	Dung dịch khoan	Loại trừ	Tổng cộng
	Số đầu năm	Số đầu năm	Số đầu năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	1.756.084.633.507	600.427.448.737	(362.525.209.181)	1.993.986.873.063
(Lỗ) từ Công ty liên doanh	(1.693.276.604)			(1.693.276.604)
Tổng tài sản hợp nhất				1.992.293.596.459
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	760.911.088.385	189.791.898.726	(157.533.743.046)	793.169.244.065
Tổng nợ phải trả hợp nhất				793.169.244.065

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

	Hóa phẩm dầu khí và khác	Dung dịch khoan	Loại trừ	Tổng cộng
	Năm trước	Năm trước	Năm trước	Năm trước
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.565.218.322.101	1.039.070.621.660	-	3.604.288.943.761
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	459.288.960.665	115.882.521.787	(575.171.482.452)	-
Tổng doanh thu	3.024.507.282.766	1.154.953.143.447	(575.171.482.452)	3.604.288.943.761
Chi phí hoạt động kinh doanh	2.771.128.989.485	841.389.550.641	(523.162.390.573)	3.089.356.149.553
Kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận	253.378.293.281	313.563.592.806	(52.009.091.879)	514.932.794.208
Chi phí không phân bổ				279.898.714.156
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				235.034.080.052
(Lỗ) từ công ty liên doanh				(1.693.276.604)
Lãi khác				40.669.749.792
Chi phí tài chính				21.566.079.392
Lợi nhuận trước thuế				252.444.473.848
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				53.101.233.002
Lợi nhuận trong năm				199.343.240.846

Bộ phận theo khu vực địa lý

Tổng Công ty hoạt động tại Miền Bắc, Miền Trung và Miền Nam. Bộ phận kinh doanh Hóa phẩm dầu khí và khác được thực hiện tại cả ba khu vực, bộ phận kinh doanh dung dịch khoan được thực hiện tại Miền Nam.

Dưới đây là phân tích doanh thu của Tổng Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

Doanh thu theo khu vực địa lý	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Miền Bắc	2.330.606.806.416	1.969.150.612.742
Miền Trung	288.962.009.208	221.671.568.317
Miền Nam	705.420.571.130	1.988.638.245.154
Loại trừ trên Báo cáo hợp nhất	(264.421.799.124)	(575.171.482.452)
	3.060.567.587.630	3.604.288.943.761

TỔNG CÔNG TY DUNG DỊCH KHOAN VÀ HÓA PHẨM DẦU KHÍ - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình và vô hình theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó.

	Giá trị còn lại của tài sản bộ phận		Tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
	VND	VND	VND	VND
Miền Bắc	1.591.587.648.810	1.271.866.696.869	66.344.596.296	2.651.545.180
Miền Trung	45.856.964.996	54.260.053.207	167.394.944	449.255.572
Miền Nam	662.421.628.583	1.030.385.332.168	7.145.907.485	7.780.896.215
Loại trừ trên Báo cáo hợp nhất	(311.227.273.916)	(364.218.485.785)	-	-
	1.988.638.968.473	1.992.293.596.459	73.657.898.725	10.881.696.967

20. DOANH THU VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu bán hàng	2.700.967.275.913	3.050.319.190.538
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	362.082.818.146	556.018.075.793
	3.063.050.094.059	3.606.337.266.331
Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Giảm giá hàng bán	-	87.696.000
- Chiết khấu thương mại	2.133.364.844	-
- Hàng bán bị trả lại	349.141.585	1.960.626.570
	2.482.506.429	2.048.322.570
Trong đó: Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan (được trình bày tại Thuyết minh số 27)	101.218.558.699	133.257.914.861

Trong năm 2016, theo các đề nghị xuất hàng, biên bản giao nhận hàng của khách hàng, Tổng Công ty đã xuất một số hàng hóa và đã được khách hàng sử dụng ngoài giảm khoan phục vụ công tác khoan tại một Lô Hợp đồng dầu khí với giá trị là 21.103.916.718 VND (bao gồm các chi phí liên quan khác). Tổng Công ty đang đàm phán với khách hàng một số điều khoản liên quan đến giao dịch nêu trên để chính thức ký hợp đồng. Ban Giám đốc Tổng Công ty đã đánh giá thận trọng và tin tưởng chắc chắn rằng giá bán theo thỏa thuận chính thức với khách hàng sẽ không thấp hơn giá trị ghi sổ của hàng hóa và các chi phí liên quan. Do đó, Tổng Công ty quyết định ghi nhận doanh thu và giá vốn bán hàng, cung cấp dịch vụ với cùng giá trị là 21.103.916.718 VND trong năm 2016.

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	41.577.496.746	71.169.480.438
Chi phí nhân công	94.195.274.125	160.928.757.741
Chi phí khấu hao tài sản cố định	33.187.724.842	31.858.006.963
Chi phí dịch vụ mua ngoài	283.917.261.400	537.765.662.400
Chi phí khác bằng tiền	60.841.076.826	153.088.304.302
	513.718.833.939	954.810.211.844

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Lãi tiền gửi	11.284.437.546	13.138.059.137
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.488.208.555	6.603.832.974
Doanh thu hoạt động tài chính khác	267.125.177	129.340.655
	15.039.771.278	19.871.232.766

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí lãi vay	19.845.246.814	18.180.642.361
Tiền lương hoạt động tài chính	3.040.607.317	4.756.885.032
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.865.813.962	17.624.843.314
Chi phí tài chính khác	12.114.945.283	874.941.451
	37.866.613.376	41.437.312.158

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	58.266.560.681	60.347.637.248
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.344.090.230	19.955.439.374
Chi phí dự phòng	27.281.281.270	1.537.679.365
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	46.182.631.797	122.207.149.714
	172.074.563.978	204.047.905.701

Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

Chi phí vận chuyển	29.093.712.924	27.049.640.676
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.711.961.698	17.326.998.793
Chi phí nhân công	6.197.497.780	10.269.446.736
Các khoản chi phí bán hàng khác	11.816.185.807	21.204.722.250
	65.819.358.209	75.850.808.455

25. (LỖ)/LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán (lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ (VND)	(50.362.387.944)	105.542.149.730
Quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính	(8.929.251.382)	(16.165.120.403)
(Lỗ)/lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	(59.291.639.326)	89.377.029.327
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm (cổ phiếu)	50.000.000	50.000.000
(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(1.186)	1.788

26. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Trong năm 2010, Tổng Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động văn phòng làm việc tại tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam - 173 Trung Kính, Cầu Giấy, Hà Nội (nay là 167 Trung Kính, Cầu Giấy, Hà Nội). Hợp đồng thuê văn phòng số 2917/2010/HĐ-VĐKVN ký ngày 21 tháng 12 năm 2010 có thời hạn 50 năm tính từ ngày bàn giao mặt bằng (ngày 10 tháng 8 năm 2010). Tổng diện tích thuê là 3.060 m² với đơn giá 41.000.000 VND/m²/50 năm. Tổng giá trị hợp đồng thuê là 125.460.000.000 VND (chưa bao gồm thuế GTGT) thanh toán trong 10 năm, mỗi năm thanh toán 2 đợt vào ngày 01/01 và ngày 01/7 hàng năm. Chi phí sử dụng vốn 10% mỗi năm được tính trên số tiền chưa trả.

Ngày 24 tháng 4 năm 2014, Tổng Công ty và Viện Dầu khí Việt Nam đã có cuộc họp đàm phán về việc giảm diện tích thuê Văn phòng tại tầng 7, Tòa nhà Viện Dầu khí, 167 Trung Kính, Cầu Giấy, Hà Nội, theo đó tổng diện tích thuê mới là 2.680 m².

Ngày 02 tháng 12 năm 2015, hai bên ký Phụ lục số 6 sửa đổi bổ sung một số điều khoản của Hợp đồng số 2917/2010/HĐ-VĐKVN ký ngày 21 tháng 12 năm 2010, theo đó kể từ ngày 21 tháng 9 năm 2015 đơn giá thuê được áp dụng là 251.160 VND/m²/tháng, giá chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí quản lý, vận hành Tòa nhà và các chi phí khác. Tiền thuê được thanh toán hàng quý.

11/01/2016

27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty TNHH Liên doanh DMC - VTS	Công ty liên doanh
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP - Nhà máy Đạm Phú Mỹ	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil) - XN Tổng kho Xăng dầu Miền Đông	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Chi nhánh Petrosetco - Công ty Phân phối nguyên liệu Công nghiệp Dầu khí	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ Phần Vận tải Dầu khí Đồng Dương	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH MTV Lọc hoá dầu Bình Sơn (BSR)	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Phân Bón Dầu Khí Cà Mau (PVCFC)	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Ban Quản lý dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Hà Nội	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu Khí	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Viện Dầu khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đồng Nam bộ	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí - Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú - Sông Hậu	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty khí Việt Nam - CTCP	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Hóa Dầu và Xơ sợi Dầu khí	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Khí - Công ty Dịch vụ Hàng Hải Dầu Khí	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Chi nhánh Viện Dầu khí Việt Nam - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Chế biến Dầu khí	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Ban Điều hành Dự án Nhà máy Nhiệt Điện Thái Bình 2	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP - Nhà máy Đạm Phú Mỹ	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Dịch vụ bảo vệ An ninh Dầu Khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Chi nhánh Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí tại Vũng Tàu	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Trường Đại học Dầu khí	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Liên doanh Dịch vụ BJ-PV Drilling	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Phân bón và Hoá chất Dầu khí Miền Bắc	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí - Xí nghiệp Dịch vụ Đầu tư khoan Dầu khí	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH MTV Kiểm định An toàn Dầu khí Việt Nam - PVEIC	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Nhiên liệu sinh học dầu khí Miền Trung	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Chi nhánh Viện Dầu khí Việt Nam - Trung tâm Ứng dụng và Chuyển giao Công nghệ	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ KHOAN VÀ HÓA PHẨM DẦU KHÍ - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HH

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	101.218.558.699	133.257.914.861
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	52.246.585.548	61.018.391.648
Trường Đại học Dầu khí	16.976.940.000	-
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP - Nhà máy Đạm Phú Mỹ	8.366.715.698	3.355.609.147
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	7.914.402.215	921.434.204
Công ty Liên doanh Dịch vụ ĐJ-PV Drilling	3.673.194.707	6.577.046.788
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	3.285.060.368	5.236.169.273
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	3.165.595.000	7.715.765.000
Viện Dầu khí Việt Nam	1.715.700.000	-
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	1.355.277.090	2.999.370.766
Công ty Cổ phần Hóa Dầu và Xơ sợi Dầu khí	8.800.000	7.122.818.230
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	-	9.540.102.000
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	-	8.264.412.112
Các công ty liên quan khác	2.510.288.073	20.506.795.693
Thu nhập hoạt động khác	1.723.598.284	5.071.031.969
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.723.598.284	-
Công ty TNHH Liên doanh DMC-VTS	-	5.048.408.580
Chi nhánh Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí tại Vũng Tàu	-	22.623.389
Mua hàng, nhận cung cấp dịch vụ	491.138.505.659	543.565.885.882
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	394.827.996.519	443.886.237.296
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	33.652.875.975	47.510.330.000
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí - Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	29.642.245.416	35.568.120.778
Công ty Cổ phần Phân bón và Hoá chất Dầu khí Miền Bắc	12.724.454.360	3.820.000.000
Viện Dầu khí Việt Nam	9.157.395.504	3.308.000.462
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí - Xí nghiệp Dịch vụ Đầu tư khoan Dầu khí	3.173.693.250	-
Công ty Cổ phần Hóa Dầu và Xơ sợi Dầu khí	1.673.880.682	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	1.396.363.638	2.948.236.364
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.337.127.176	1.448.991.695
Các công ty liên quan khác	3.552.473.139	5.075.969.287
Vay ngắn hạn - Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam		
Gốc vay nhận được	-	65.330.008.470
Gốc vay đã trả	16.653.083.454	53.330.667.098
Lãi vay phải trả	47.094.305	248.079.434
Lãi vay đã trả	47.094.305	247.312.438
Trả cổ tức bằng tiền		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	25.199.466.600	21.599.542.800

TỔNG CÔNG TY DUNG DỊCH KHOAN VÀ HÓA PHẨM DẦU KHÍ - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khách hàng	24.902.171.054	39.328.872.459
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	8.669.343.325	684.379.546
Công ty TNHH Liên doanh DMC-VTS	6.209.044.462	6.263.858.288
Công ty TNHH MTV Lọc hoá dầu Bình Sơn (BSR)	5.242.337.718	21.498.400.740
Công ty Cổ phần Hóa Dầu và Xơ sợi Dầu khí	1.689.461.633	1.694.961.633
Các công ty liên quan khác	3.091.983.916	9.187.272.252
Phải thu khác	911.137.340	7.797.273.704
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	597.637.340	597.637.340
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	313.500.000	-
Công ty TNHH MTV Lọc hoá dầu Bình Sơn (BSR)	-	7.199.636.364
Người mua trả tiền trước	2.816.426.002	8.101.844.020
Công ty TNHH MTV Lọc hoá dầu Bình Sơn (BSR)	1.889.118.000	-
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	302.355.428	417.355.428
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú - Sông Hậu	241.980.860	241.980.860
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP - Nhà máy Đạm Phú Mỹ	199.859.262	-
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	163.112.452	312.192.932
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	20.000.000	-
Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	-	7.130.314.800
Phải trả nhà cung cấp	59.798.312.080	115.847.801.510
Công ty TNHH MTV Lọc hoá dầu Bình Sơn (BSR)	47.853.678.451	105.330.945.335
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu Khí - Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	7.532.232.510	-
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí - Xí nghiệp Dịch vụ Đầu tư khoan Dầu khí	2.721.007.575	-
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP	1.049.558.400	-
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	-	8.773.555.255
Các công ty liên quan khác	641.835.144	1.743.300.920
Trả trước cho người bán	13.374.713.948	19.893.268.281
Công ty TNHH Liên doanh DMC-VTS	13.374.713.948	19.772.803.681
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	-	120.464.600
Phải trả khác	-	1.000.000.000
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	1.000.000.000
Vay ngắn hạn	-	-
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	-	16.786.236.099

2B. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 28.460.007.525 VND (năm 2015 là 1.638.919.675 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông đã bao gồm tiền cổ tức các năm trước đã trả trong năm 2016 với số tiền là 1.306.714.577 VND và không bao gồm cổ tức năm 2015 đã thông báo chi trả trong 2016 mà chưa trả cho cổ đông với số tiền là 1.346.943.847 VND.

Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm số tiền 119.291.667 VND (năm 2015 là 627.777.778 VND).

Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng:

Như trình bày tại Thuyết minh số 5, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư tiền gửi ngân hàng bao gồm số tiền 8.916.996.152 VND là các khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương đang bị hạn chế sử dụng. Ban Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ được sử dụng trong tương lai khi có những quyết định/hướng dẫn cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.



Tạ Đình Khang
Người lập biểu



Bùi Tuấn Ngọc
Kế toán trưởng



Tôn Anh Thi
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2017

Số: 461 /BC-DMC

Hà nội, ngày 21 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO
TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2016
KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty DMC

PHẦN I: TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2016

1. Kết quả hoạt động của Ban kiểm soát

Năm 2016 Ban kiểm soát đã triển khai thực hiện và hoàn thành tốt mục tiêu kế hoạch hoạt động đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua. Qua công tác giám sát các hoạt động của Tổng công ty, Ban kiểm soát đã đóng góp một phần tích cực trong việc đưa ra các ý kiến, kiến nghị giúp đơn vị quản trị doanh nghiệp hiệu quả hơn, nhằm hạn chế tối đa những ảnh hưởng xấu của thị trường dầu khí hiện nay tới hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong năm 2016, ĐHĐCĐ thường niên đã chấp thuận bà Nguyễn Thị Trâm là kiểm soát viên chuyên trách của Tổng công ty DMC nhiệm kỳ 2015-2020 kể từ ngày 10/7/2015 tại Nghị quyết số 661/NQ-DMC ngày 25/4/2016.

Ban kiểm soát (BKS) hoạt động với 3 thành viên chuyên trách là Ông Phạm Minh Đức, Bà Nguyễn Thị Minh Hằng và Bà Nguyễn Thị Trâm. Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên Ban kiểm soát vẫn được giữ nguyên:

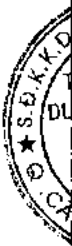
* Ông Phạm Minh Đức, Trưởng Ban: Phụ trách chung

- Theo dõi mảng công tác tài chính – kế toán của Tổng công ty.
- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết PVN của HĐQT, Ban TGD Tổng công ty DMC.
- Giám sát việc ban hành các quyết định của HĐQT, Ban TGD.
- Tham gia các cuộc họp do HĐQT, Ban TGD

* Bà Nguyễn Thị Minh Hằng – Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách

- Theo dõi công tác kế hoạch, tổ chức lao động tiền lương, những vấn đề liên quan đến người lao động.
- Chịu trách nhiệm công tác Văn thư lưu trữ của Ban.
- Tổng hợp báo cáo của các đơn vị thành viên; Lập báo cáo giám sát quý, năm và các báo cáo liên quan khác.

N



- Phụ trách Ban khi được ủy quyền .
- Các nhiệm vụ khác khi Ban phân công.
- * **Bà Nguyễn Thị Trâm** - Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách
 - Theo dõi toàn bộ công tác đầu tư, XD/CB.
 - Theo dõi công tác đầu tư, khai khoáng...
 - Phụ trách Ban khi được ủy quyền.
 - Các nhiệm vụ khác khi Ban phân công.

Hoạt động cụ thể của Ban kiểm soát trong năm 2016

Trong năm Ban kiểm soát đã tiến hành 5 cuộc họp chính để triển khai công tác kiểm soát, cụ thể:

- Cuộc họp ngày 20/01/2016 Thảo luận nội dung công việc để thực hiện tốt các nhiệm vụ đã đề ra trong quý I/2016.
- Cuộc họp ngày 10/4/2016, BKS họp để tổng kết, đánh giá các công việc đã thực hiện trong quý I và triển khai công việc trong quý 2/2016.
- Cuộc họp ngày 10/7/2016 BKS họp định kỳ quý 3/2016 để tổng kết, đánh giá các công việc đã thực hiện trong quý 2/2015 và triển khai công việc trong quý 3/2016 như triển khai công tác lựa chọn công ty kiểm toán, lên kế hoạch kiểm soát tại các đơn vị.
- Cuộc họp ngày 20/10/2016 BKS họp để tổng kết, đánh giá các công việc đã thực hiện trong quý 3/2015 và triển khai các quý tiếp theo, lên kế hoạch chi tiết kiểm tra Công ty Mẹ và DMC-MB trong Q4/2016.
- Cuộc họp ngày 26/12/2016, BKS tiến hành họp tổng kết , đánh giá các công việc đã thực hiện trong năm 2016 và xây dựng kế hoạch hoạt động của Ban năm 2017.

Trên cơ sở thực hiện kết luận các cuộc họp, Ban kiểm soát đã triển khai thực hiện các công việc theo đúng kế hoạch; ban hành các biên bản kiểm soát sau mỗi đợt kiểm tra và đóng góp các ý kiến để cho công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đúng theo các quy chế, quy định. Có thể tổng hợp hoạt động của Ban kiểm soát theo hai mảng công tác chính như sau:

a/Công tác giám sát: Ban Kiểm soát đã thực hiện giám sát việc chấp hành các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT Tập đoàn; Nghị quyết / Quyết định của ĐHĐCĐ; Việc ban hành các Nghị quyết / Quyết định liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh; Tổ chức nhân sự; Quy chế quản lý nội bộ; các hoạt động Đầu tư, hoạt động tài chính của HĐQT. Ban Kiểm soát cũng đã giám sát hoạt động của Ban TGD trong việc thực hiện và chấp hành các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT và công tác điều hành hoạt động SXKD bằng việc tham gia các cuộc họp giao ban và các cuộc họp liên quan khác của Tổng công ty để có ý kiến trực tiếp, cũng như tham gia đóng góp ý kiến để ban hành các quy chế, quy định quản lý của Tổng công ty.

b/Công tác kiểm tra kiểm soát: Ban Kiểm soát đã phối hợp cùng HĐQT kiểm tra tại các đơn vị thành viên và Công ty mẹ DMC định kỳ với các nội dung chủ yếu như: Tình hình thực hiện Kế hoạch SXKD, công tác mua sắm tài sản, đầu tư XD CB; công tác kinh doanh; việc tuân thủ chế độ tài chính kế toán, công tác chi tiêu, công nợ phải thu, phải trả; xem xét việc vay và sử dụng vốn; xem xét việc khắc phục hậu quả của các cá nhân và tập thể trong công tác quản lý tài chính đã được các đoàn kiểm tra phát hiện trước đây, xem xét việc hoàn thiện cơ chế quản lý và các tồn tại trong thư quản lý của kiểm toán độc lập (nếu có), thẩm định các báo cáo tài chính, báo cáo sản xuất kinh doanh và đánh giá công tác quản lý của HĐQT. Trong năm 2016 Ban kiểm soát đã tăng cường công tác kiểm soát trước, trong quá trình thực hiện công việc nên đã có ý kiến kịp thời để cảnh báo các sai sót có thể diễn ra. Qua công tác kiểm tra, giám sát, Ban Kiểm soát đã có những đề xuất kiến nghị với HĐQT và Ban Tổng giám đốc Tổng công ty để khắc phục những thiếu sót, góp phần hoàn thiện hơn nữa công tác quản lý và chỉ đạo điều hành hoạt động SXKD trong toàn Tổng công ty.

Trong năm 2016, Ban kiểm soát đã triển khai thực hiện đầy đủ các hoạt động kiểm tra giám sát tại đơn vị theo đúng kế hoạch đã trình và được ĐHĐCĐ phê chuẩn. Ban kiểm soát tự đánh giá năm 2016 đã hoàn thành tốt nhiệm vụ đề ra.

Tự đánh kết quả hoạt động của từng kiểm soát viên

- Trưởng Ban kiểm soát – Phạm Minh Đức: Năm 2016 đã hoàn thành tốt tất cả các mục tiêu kế hoạch đã được ĐHĐCĐ phê chuẩn.
- Kiểm soát viên - Nguyễn Thị Trâm: Hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2016.
- Kiểm soát viên - Nguyễn Thị Minh Hằng: Hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2016.

Thù lao của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát được nhận thù lao bằng với số tiền lương, thưởng và các thu nhập khác theo chế độ chung của TCT. Chi tiết về thù lao của Ban kiểm soát được tổng hợp tại báo cáo riêng trình ĐHĐCĐ thông qua.

Sự phối hợp giữa Ban kiểm soát, HĐQT, Tổng giám đốc và cổ đông

Trên cơ sở điều lệ hoạt động của Tổng công ty, Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc đã có sự phối hợp để điều hành và quản trị hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty ngày một chặt chẽ và hiệu quả hơn. Trong năm, Ban kiểm soát đã được Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc tạo điều kiện để hoàn thành tốt nhiệm vụ. Trong các đợt kiểm soát định kỳ tại các đơn vị, Ban kiểm soát phối hợp cùng Hội đồng quản trị làm việc trực tiếp với các đơn vị để có ý kiến kịp thời. Đa số các kiến nghị của Ban kiểm soát đã được Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc chỉ đạo khắc phục hoàn thiện song vẫn còn có kiến nghị chưa được khắc phục kịp thời hoặc chưa dứt điểm.

Về sự phối hợp với cổ đông: Ban kiểm soát có sự liên hệ phối hợp chặt chẽ với cổ đông lớn là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong việc thực hiện các quyền của cổ đông theo Luật Doanh nghiệp để cùng với Ban kiểm soát giám sát hoạt động của Tổng công ty. Các cổ

đồng khác, Ban kiểm soát cũng thực hiện phối hợp giám sát theo đúng Điều lệ TCT và Luật Doanh nghiệp quy định.

2. Báo cáo giám sát các hoạt động của Tổng công ty

2.1. Hoạt động của HĐQT

HĐQT Tổng công ty gồm 5 thành viên, trong đó có 1 thành viên kiêm Tổng giám đốc còn lại các thành viên đều làm việc theo chế độ chuyên trách nên việc tập trung giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền tương đối nhanh chóng, kịp thời. Việc quản lý, chỉ đạo các hoạt động SXKD, các nhiệm vụ trong năm được thực hiện tuân thủ theo đúng quy định của Pháp luật, quy chế, quy định của Tập đoàn và DMC.

HĐQT Tổng công ty hoạt động theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số, các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT đều được thảo luận trực tiếp tại các phiên họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản; Các quyết định của HĐQT chỉ được ban hành và có hiệu lực khi có đa số (trên 50%) thành viên HĐQT nhất trí thông qua.

Trong năm 2016, HĐQT đã tổ chức 4 phiên họp thường kỳ; tổ chức các cuộc họp đột xuất và lấy ý kiến bằng văn bản để xem xét, quyết định các vấn đề liên quan đến chiến lược, kế hoạch SXKD, cơ cấu tổ chức, nhân sự, đầu tư, tài chính kế toán và các quy chế, quy định nội bộ, công tác tái cấu trúc các đơn vị... Các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ, nghiêm túc và đóng góp ý kiến trên tinh thần xây dựng; trình tự, thủ tục và nội dung các cuộc họp/lấy ý kiến bằng văn bản đều được thực hiện theo đúng quy định.

HĐQT tham gia đầy đủ các cuộc họp giao ban tháng, giao ban quý, các cuộc họp chuyên đề do Tổng giám đốc tổ chức.

Định kỳ hàng quý HĐQT phối hợp với Ban kiểm soát Tổng công ty thông qua các đợt kiểm tra định kỳ để kiểm tra giám sát hoạt động tại Công ty Mẹ và các đơn vị thành viên, qua đó có các chỉ đạo kịp thời để khắc phục tồn tại, hạn chế tại các đơn vị.

Nhìn chung HĐQT Tổng công ty đã hoạt động tích cực và quyết liệt, tuân thủ nghị quyết của ĐHĐCĐ, quy chế làm việc của Hội đồng quản trị. Bên cạnh những kết quả đạt được thì năm 2016 vẫn còn một số hạn chế do nguyên nhân khách quan và chủ quan như:

- Hiệu quả hoạt động SXKD của Tổng công ty và các đơn vị thành viên có sụt giảm so với năm 2015.
- Việc sửa đổi, ban hành các quy chế quản lý nội bộ còn chậm.
- Dự án nhà máy hóa phẩm Dầu khí Cái Mép, Dự án đầu tư thiết bị làm sạch, Dự án Nhà máy chế biến barite tại Lào, hiệu quả hoạt động còn thấp, chưa đạt kỳ vọng và chưa đóng góp được nhiều vào hiệu quả hoạt động của Tổng công ty.

2.2. Hoạt động của Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác

Trong năm 2016, xác định được tình hình kinh tế vẫn tiếp tục khó khăn, Ban TGDĐ đã chỉ đạo các đơn vị thành viên xây dựng các giải pháp thích ứng để thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm hạn chế ảnh hưởng nặng nề từ thị trường dầu khí sụt giảm mạnh

trong giai đoạn hiện nay. TGD đã làm việc với từng đơn vị thành viên, phòng ban trong Tổng công ty để nắm bắt, chỉ đạo quyết liệt công tác thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Đánh giá chung trong năm 2016, TGD và các cán bộ quản lý khác đã tuân thủ các Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT DMC. Năm 2016, TGD và các cán bộ quản lý khác đã có những nỗ lực, cố gắng để lãnh đạo, điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Tổng giám đốc vẫn tích cực chỉ đạo đa dạng hóa các loại hình kinh doanh, dịch vụ mới với các đối tác trong và ngoài nước, nhờ vậy tác động tiêu cực đối với toàn khối dịch vụ dầu khí do giá dầu giảm sâu và kéo dài đã được hạn chế. Tuy nhiên không ngoại lệ là đơn vị dịch vụ dầu khí trong bối cảnh giá dầu thô giảm mạnh và kéo dài, đồng thời một số mặt hàng kinh doanh, dịch vụ mới kết quả còn chưa như kỳ vọng nên năm 2016 DMC không hoàn thành kế hoạch.

Năm 2016 trong chỉ đạo điều hành công tác sản xuất kinh doanh, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác vẫn còn tồn tại một số hạn chế: Việc cập nhật, sửa đổi bổ sung một số quy chế còn chậm, kết quả kinh doanh của toàn Tổng công ty không đạt kế hoạch, thu hồi xử lý nợ quá hạn còn chưa dứt điểm, quyết toán dự án đầu tư thiết bị làm sạch và dự án Barite tại Lào chưa hoàn thành.

3. Tình hình quản lý vốn, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý các quỹ tài chính tập trung của Tổng công ty qua báo cáo tài chính năm 2016

Ban kiểm soát đã thẩm định báo cáo Tài chính năm 2016 của Tổng công ty đã được Công ty kiểm toán độc lập xác nhận:

*** Các báo cáo tài chính**

- Bảng cân đối kế toán của Tổng công ty (Báo cáo hợp nhất, báo cáo riêng).
- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2016.
- Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2016.

*** Đánh giá của Ban kiểm soát:**

- Báo cáo tài chính năm của Tổng công ty được trình bày theo đúng mẫu biểu hiện hành của Nhà nước.
- Việc mở sổ, ghi chép nhìn chung đã tuân thủ các quy định của Chuẩn mực kế toán, Luật kế toán.
- Nội dung báo cáo phản ánh các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí, thuế và lợi nhuận; Đồng thời cũng phản ánh được toàn bộ tình hình vốn, nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2016.
- Qua xem xét Báo cáo Tài chính hợp nhất và Báo cáo Tài chính của Công ty Mẹ, theo ý kiến của Chúng tôi Báo cáo Tài chính đã phản ánh trung thực trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng công ty tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ năm 2016.

* Các chỉ tiêu chủ yếu trong báo cáo :

- Tổng giá trị vốn và tài sản của DMC tại ngày 31/12/2016 trên báo cáo hợp nhất là 1988,6 tỷ bằng 99,8% so với năm 2015 (1992 tỷ đồng); trong đó vốn điều lệ của Tổng công ty là 500 tỷ.
- Kết quả kinh doanh năm 2016 toàn Tổng công ty
Tổng doanh thu đạt: 3092 tỷ đồng bằng 84,1% so với năm 2015 (3.676,74 tỷ đồng).
Lợi nhuận sau thuế: -33,4 tỷ đồng so với năm 2015 (199,3 tỷ đồng)

* Cơ cấu vốn điều lệ tại ngày 31/12/2016 như sau:

- Vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam: 179.996.190.000 đồng, chiếm 36,00% VDL
- Vốn của Halley Sicav-Halley Prosperity: 45.185.000.000 đồng, chiếm 9% VDL
- Vốn của các cổ đông khác: 274.818.810.000 đồng, chiếm 55% VDL

* Cơ cấu vốn điều lệ theo đơn vị sử dụng trên báo cáo tài chính riêng:

- Tại Công ty mẹ là: 362.705.044.114 đồng
- Tại các công ty con là: 124.525.300.006 đồng
 - + DMC-Miền Bắc : 33.245.000.000 đồng
 - + DMC-Miền Nam : 20.400.000.000 đồng
 - + DMC-Miền Trung : 7.542.000.000 đồng
 - + Cty TNHH M-I VN : 63.338.300.006 đồng
- Tại các công ty liên doanh là: 12.769.655.880 đồng (Cty DMC-VTS).

* Một số chỉ số, chỉ tiêu tài chính đáng lưu ý trên báo cáo hợp nhất

- Các khoản vay nợ ngắn hạn: tăng bằng 153 % so với năm 2015 (505,4 tỷ đồng/330 tỷ đồng).
- Các khoản phải thu của khách hàng: tăng bằng 179 % so với năm 2015 (961 tỷ đồng/536,8 tỷ đồng)
- Hàng tồn kho: giảm bằng 67,1 % so với năm 2015 (501 tỷ đồng/745,8 tỷ đồng)
- (Trong đó dự phòng giảm giá hàng tồn kho là 36,2 tỷ đồng)
- Trả trước cho người bán: giảm đạt 41 % so với năm 2015 (38,7 tỷ đồng/94,2 tỷ đồng)
- Các khoản phải trả khách hàng: tăng bằng 130 % so với năm 2015 (311,9 tỷ đồng/239,4 tỷ đồng)
- Người mua trả tiền trước: giảm đạt 41% so với năm 2015 (29,4 tỷ đồng/71,6 tỷ đồng)
- TSCĐ là 300 tỷ đồng chiếm 15,09 % tổng TS;. So với năm 2015 TSCĐ là 239,5 tỷ đồng chiếm 12,02% tổng TS, trong đó TS đầu tư xây dựng dở dang là 19 tỷ đồng.
- Hai chỉ số ROA (-33,4 tỷ đồng/1988 tỷ đồng) và ROE (-33,4 tỷ đồng/1026 tỷ đồng) năm 2016 đều là số âm cho thấy năm tài chính vừa qua Doanh nghiệp sử dụng vốn

chưa hiệu quả. Qua đó cho thấy tác động của giá dầu giảm mạnh, kéo dài đã tác động trực tiếp đến mảng hoạt động sản xuất kinh doanh chính của DMC là cung cấp các dịch vụ hóa kỹ thuật cho khoan, khai thác ngành Dầu khí (hầu hết các hoạt động khoan của ngành đều ngừng, dẫn tiến độ nên doanh thu và lợi nhuận của DMC sụt giảm mạnh). Hầu hết các đơn vị của Tổng công ty DMC hoạt động không có lợi nhuận trừ Công ty MIVN và Ban Kinh doanh của Công ty mẹ. Đồng thời giá cổ phiếu của DMC-MB tại sàn HNX giảm mạnh (dưới 5000 đồng/cổ phiếu), do vậy DMC đã phải trích lập dự phòng đầu tư tài chính cho các đơn vị là 29,4 tỷ đồng năm 2016. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất toàn Tổng công ty -33,4 tỷ đồng. Mặc dù đã cố gắng tập trung cho công tác quản trị để nâng cao hiệu quả hoạt động tuy nhiên nếu không quyết liệt tìm hướng mở rộng cung cấp các sản phẩm và dịch vụ mới, đồng thời tiết giảm tối đa chi phí thì DMC sẽ chưa thể có một kết quả đột phá trong năm tới.

PHẦN II: PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017

I – Mục đích

- Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn của Ban kiểm soát theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát;
- Thực hiện giám sát HĐQT, TGD trong việc quản lý, điều hành các hoạt động của Tổng công ty DMC;
- Giám sát việc chấp hành các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, của HĐQT, thực hiện kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của DMC theo thẩm quyền của Ban kiểm soát (*Tập trung vào việc kiểm tra giám sát thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chấp thuận; Việc triển khai thực hiện phương án tái cấu trúc Tổng công ty đã được Tập đoàn phê duyệt; Giám sát việc khai thác và vận hành các dự án đầu tư đã hoàn thành và giám sát triển khai các dự án đầu tư mới ; Giám sát kiểm soát chi phí, quản lý sử dụng vốn an toàn, đúng mục đích, đảm bảo hiệu quả hoạt động sxkd của các đơn vị; Giám sát đảm bảo việc làm, ổn định thu nhập cho người lao động, hoạt động nghiên cứu khoa học...)*
- Giám sát việc huy động vốn và sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả nhằm hạn chế những rủi ro tiềm ẩn trong quá trình hoạt động (*Tập trung kiểm tra giám sát việc bảo toàn vốn của Tập đoàn, hiệu quả hoạt động của đơn vị, công ty con, công ty liên kết*);
- Giám sát việc chấp hành chế độ kế toán thống kê theo luật kế toán, luật doanh nghiệp, luật thuế của đơn vị.
- Kiểm tra giám sát tiến độ thực hiện, hiệu quả các dự án đầu tư theo kế hoạch đã được HĐQT Tổng công ty phê duyệt, giám sát đơn đốc việc quyết toán các dự án;
- Chủ trì đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017

173
TY
HOA
AM
P. H

- Giám sát việc xây dựng, ban hành, thực hiện các quy chế, quy định của Tổng công ty. Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo sản xuất kinh doanh và đánh giá công tác quản lý của HĐQT để trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2017.
- Giám sát đơn đốc thực hiện các kết luận của các đoàn thanh tra, kiểm tra các cấp đối với Tổng công ty.

II – Nội dung, thời gian, hình thức giám sát kiểm tra

(Trình tự thực hiện công việc theo quy trình kiểm soát đã ban hành)

Số TT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Hình thức kiểm tra, giám sát
1	<ul style="list-style-type: none"> - Giám sát kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh, chấp hành chế độ tài chính kế toán, huy động và sử dụng vốn hiệu quả, đúng mục đích. Giám sát hoạt động nghiên cứu khoa học, đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động. - Thực hiện các cuộc kiểm tra định kỳ tại Công ty Mẹ, Chi nhánh và các công ty con vào cuối quý 2 và cuối quý 4. 	Thường kỳ hàng tuần, hàng tháng, hàng quý	<ul style="list-style-type: none"> - Xem xét các báo cáo của đơn vị, tham gia các cuộc họp giao ban, tổng kết của Tổng công ty - Tổ chức đoàn kiểm tra thực tế tại các đơn vị thường kỳ hoặc đột xuất. (có thể kết hợp với đoàn kiểm tra khác của Tổng công ty)
2	<ul style="list-style-type: none"> - Giám sát việc quản lý điều hành của HĐQT, ban TGD thông qua việc ban hành và thực hiện các quy chế, quy định nội bộ, định mức kinh tế kỹ thuật của Tổng công ty. - Giám sát việc xây dựng các quy trình, quy chế theo kế hoạch đã phê duyệt. 	Thường xuyên trong năm	<ul style="list-style-type: none"> - Xem xét các dự thảo quy chế, quy định nội bộ của Tổng công ty; - Rà soát các văn bản đã ban hành
3	<ul style="list-style-type: none"> - Giám sát công tác thực hiện đầu tư, tiến độ triển khai thực hiện dự án theo kế hoạch được duyệt và hiệu quả dự án đầu tư, giám sát đơn đốc quyết toán dự án. - Giám sát vận hành Dự án Nhà máy hóa phẩm Dầu khí Cái Mép, Dự án đầu tư thiết bị làm sạch, Dự án Kho Dung Quất và Dự án 	Thường kỳ hàng quý	<ul style="list-style-type: none"> - Giám sát thông qua các báo cáo về tình hình thực hiện đầu tư; thông qua các quyết định, các hợp đồng kinh tế theo từng dự án. - Kiểm tra thực tế tại từng dự án

	Căn cứ dịch vụ tại Cảng VSP. - Giám sát đầu tư, mua sắm nhỏ lẻ khác		
4	- Giám sát việc triển khai thực hiện phương án tái cấu trúc Tổng công ty đã được PVN thông qua.	Thường kỳ hàng tháng, hàng quý	- Thông qua các báo cáo, các cuộc họp, các quyết định triển khai. - Kiểm tra thực tế tại đơn vị
5	- Thẩm định báo cáo tài chính, lựa chọn công ty kiểm toán độc lập (Đầu quý 2)	Hàng quý	- Xem xét các báo cáo do đơn vị hoặc công ty kiểm toán độc lập thực hiện - Yêu cầu các công ty kiểm toán độc lập chào giá hoặc hình thức lựa chọn khác
6	- Lập các báo cáo giám sát tại đơn vị gửi PVN định kỳ hàng quý theo quy chế quản lý vốn của PVN đầu tư vào doanh nghiệp khác	Hàng quý	- Tổng hợp toàn bộ các vấn đề giám sát thường xuyên về hoạt động sxkd, đầu tư trong quý - Kiểm tra thực tế các vấn đề nóng để báo cáo
7	- Giám sát đôn đốc việc thực hiện các kết luận của các đoàn thanh tra, kiểm tra các cấp đối với DMC	Thường xuyên	- Thông qua các báo cáo thực hiện các kết luận của đơn vị - Kiểm tra thực tế các kết quả nếu cần
8	Thực hiện giám sát các công việc đột xuất (do cổ đông đủ điều kiện yêu cầu)	Trong năm	- Tùy theo tính chất công việc cụ thể

PHẦN III: Kiến nghị

Qua công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của DMC trong năm 2016 có thể thấy Tổng công ty DMC đang rất khó khăn trong năm vừa qua cũng như những năm tới do ảnh hưởng chung của giá dầu sụt giảm mạnh, đặc biệt là các công ty con chưa có được sản phẩm dịch vụ có tính cạnh tranh cao, biên lợi nhuận ổn định để phát triển lâu dài. Do đó Ban kiểm soát kiến nghị

Về phía DMC

- Cần phải tiếp tục tăng cường hơn nữa công tác quản trị để hoạt động có hiệu quả
- Chủ động nghiên cứu để sản xuất và cung cấp ra thị trường những sản phẩm dịch vụ mới

Về phía Tập đoàn Dầu khí VN (cổ đông lớn nhất) và các cổ đông khác:



- Tiếp tục tạo điều kiện, hỗ trợ tối đa cho DMC trong việc ưu tiên sử dụng các dịch vụ trong ngành.
- Các cổ đông thường xuyên thông tin hỗ trợ, giám sát, góp ý cho Ban lãnh đạo Tổng công ty trong việc điều hành và quản lý Tổng công ty.

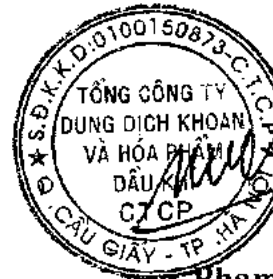
Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động năm 2016 và Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2017, kính trình ĐHĐCĐ Tổng công ty DMC thông qua.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, BKS

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Phạm Minh Đức